

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 20

1. Nam Tống Cao Tông: (Đinh Mùi)

Nam Tống họ Triệu đóng đô ở Hàng châu. Bất Khinh nói:

- Cao, Hiếu, Quang, Ninh, Lý, Độ, Ấu chúa tất cả bảy đời trị vì tổng cộng một trăm ba mươi bốn năm.

Cao Tông tên là Cấu, mẹ là Vi Phi. Huy Tông nằm mộng thấy Ngô Việt Vũ Túc Tiền Vương vào nhà mình, sau đó sinh ra ông. Ông được phong làm Khang vương. Năm đầu Tĩnh Khang ông từng đi sứ sang doanh trại của Cán Ly Bất. Mùa đông năm này Cán Ly Bất lại đến, ông phụng chiếu cùng Cảnh Nam Trọng đi sứ lần nữa. Đến Tương châu dân chúng cản đường xin ông về. Đến Tư châu Thái thú và dân chúng ở đây cũng ngăn ông lại. Thái thú Tương châu cũng gửi thư nói với ông rằng người nước Kim mới sai kỵ binh đem phẩm vật đến chỗ của Khang vương. Ông bèn trở về Tương châu dựng cờ kêu gọi binh Cần vương. Vua hạ chiếu cho Khang vương làm Đại Nguyên soái, Giang Bá Ngạn Tông Trạch làm phó soái lập tức dẫn binh vào đất Vệ. Ông cùng bàn bạc với Bá Ngạn rồi rời Tương châu đi ra cửa Bắc, vượt sông đến Đại Danh thì nghe tin kinh thành bị vây hãm, ông xin tiến binh đến kinh thành. Bá Ngạn không cho mà khuyên ông đem binh về Đông Bình tìm đất an thân. Nam Trọng cũng cho là phải. Thái thú Hà giang Hoàng Tiềm Thiện cũng kéo binh đến cùng đóng ở Tế châu. Thám báo cho hay Trương Bang Xương đã được quân Kim lập rồi. Hai vua đi về phía Bắc. Bang Xương đón Nguyên Hựu Mạnh Hậu lên thính chính. Văn võ bá quan đều khuyên nên tiến cử Bang Xương. Mạnh Hậu hạ thư tiến lập Khang vương, rồi cáo với quan dân rằng:

“Nhà Hán bị nguy đến mười đời, Quang Vũ phải trung hưng.”

Hiến Công có chín người con nay chỉ còn có Trùng Nhĩ. Nhĩ sai sứ đến dâng biểu, gặp phải lúc thư của Mạnh Hậu vừa đến, Bang Xương dập đầu khóc thảm xin chết. Sứ giả từ Hà Bắc tới tiến cử Khang vương rồi chấp tay nói:

- Xin ứng mệnh lên ngôi để cứu cha mẹ.

Ông khóc thảm lay tạ, rồi ứng mệnh trời lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Viêm năm đầu. (Nước Kim là năm Thiên Hội thứ năm).

Canh Tuất: Từ tháng giêng Hoàng thượng đến Giang tâm, đổi nơi này thành Long Tường, đổi Đông Hiên thành Dục Nhật. Đổi chỗ ở của Lâm Linh Tố thành Tư Phước Giáo tự. Tần Cối quay về. Nhận lệnh của Thát Lạt chủ trì việc giảng hòa.

Tháng mười hai, người nước Kim là Sách Lưu Dự lên làm vua lấy quốc hiệu là Tề, niên hiệu là Phụ Xương.

Tân Hợi: Thiệu Hưng năm đầu, Trương Tuấn ganh ghét người tài, giết Khúc Doan, đất Thiểm Tây mất sạch.

Nước Kim nghênh đón Chiên đàn thụy tượng đến Yên kinh, dựng Thủy Lục hội trong bảy ngày đêm, an trí tượng ở chùa Mẫn Trung rồi cúng dường. Tượng được thờ ở đây mười hai năm.

Ất Mão: Kim Hy Tông lên ngôi. Ông tên là Đàn, nguyên có tên là Yết Thích, cháu đích tôn của Mã Thái Tổ, con của Tông Tuấn, trị vì mười bốn năm, sau bị Ngạn Lượng giết.

Tây Hạ: Niên hiệu Đại Đức năm đầu.

2. Pháp sư Tô đà thất lợi người Thiên Trúc:

Pháp sư Tô đà thất lợi người Thiên Trúc, từng lễ Văn-thù ở Ngũ đài, rất giỏi chú thuật, thần dị khôn lường, vua rất kính trọng. Thời bấy giờ Vũ sĩ Tiêu Chân Nhân cũng là Cao sĩ, phép thuật tinh thông nhưng đều bị sư khuất phục, thế là Tiêu lay sư tôn làm thầy. Đường Quát Tướng công nước Kim từng khen Tiêu Chân Nhân:

- Kỳ thay! Sư tử!

Tô -đà -thất -lợi từ Tây Trúc sang, Sư thọ một trăm lẻ tám tuổi. Người sư trắng như tuyết, hai mang tai có sắc xanh biếc, tay dài, bên trong ẩn tàng nhân từ, bên ngoài hiển rõ uy nghiêm. Trong thời Mẫn Tông trời âm u nhiều ngày nhưng không mưa. Vua hạ chiếu thỉnh sư dâng đàn chú nguyện, rồng rơi xuống đất, màu nó giống như màu y sư mặc do Hậu phi tự tay may. Sư lấy của cải từ bên trong y này ra độ tăng dựng chùa. Mọi người nửa tin nửa ngờ. Phật đà ba lợi lấy cơ mượn đường đến lại Ngũ đài tham lễ. Nhìn thấy sư đội mũ Ngũ Phật cao vời chẳng khác Văn-thù, gương mặt như trăng tròn, sắc diện không đỏ cũng không sẫm. Tiêu Chân Nhân từ xa nhìn thấy liền quỳ xuống lễ lay.

3. Thiên sư Viên Ngộ Khắc Cần:

Ngày năm tháng tám năm Thiệu Hưng thứ năm, Thiền sư Viên Ngộ thị tịch. Sư họ Lạc, húy Khắc Cần, tự Vô Trước, người Sùng Ninh, Bành châu. Sư đến viện Diệu Tịch nhân đó xuất gia thọ giới với Đại sư Tự Tĩnh. Sư vân du đến Thành đô, theo Đại sư Viên Minh Mẫn Hạnh học và nghiên tâm diệu nghĩa của kinh luận nhưng vẫn thấy chỗ này chưa đủ để mình nương cậy. Sư đến Chiếu Giác yết kiến Thắng Công hỏi về tâm pháp. Ở thời gian lâu, sau đó sư đến yết kiến Chân Như Triết Công có chút tỉnh ngộ. Lúc này Khánh tạng lãnh chúng, cho chúng thường xuyên thưa hỏi, Khánh rất rành tông chỉ của tông Tào Động. Sư theo Khánh và tiếp nhận hết cốt lõi của ông ấy. Sư từng yết kiến Đông Lâm Chiếu Giác, nên sau đó không lâu, Sư nói với Khánh:

- Đông Lâm cũng thường thôi.

Sư đến yết kiến Pháp Diễn ở Thái Bình. Sư cậy mình lanh lợi thường tranh biện với Diễn. Diễn nói:

- Thứ đó có thể đối đầu được với sinh tử được không? Ngày sau lúc tại nhà Niết-bàn chỉ có phát quang, ông tự nghiệm sẽ thấy.

Sư cho mình không hợp nên từ giả đi. Sư đến Định Tuệ ở Tô châu, bệnh tật suýt chết, nhờ lại ngày trước tham vấn tất cả đều vô nghiệm, chỉ có Pháp Diễn là không chê mình, gặp phải bệnh tật liên miên, ngay hôm đó sư khăn gói về lại Thái Bình. Diễn thấy sư về lại rất mừng nhận sư làm thị giả.

Một hôm Tào sư Trần Quân vào núi hỏi đạo. Diễn đọc bài Tiểu Diễn thi rằng:

*Kêu hoài tiểu ngọc nguyên vô sự
Chỉ cốt người tài nhận được thanh.
(Tần hô Tiểu ngọc nguyên vô sự
Chỉ yếu đàn lang nhận đắc thanh)*

Sư đứng hầu, nghe xong hoá nhiên đại ngộ, liền thưa với Diễn. Diễn vặn hỏi, Sư đáp:

Ngày nay mới thật sạch cơ trước mắt. Diễn vui vẻ đáp:

- Tông ta đã có ông rồi. Từ nay ta không lo nữa!

Có lần sư đem việc này kể lại cho Phật Giám Tuệ Cần nghe. Cần không tin, Sư nói:

- Người xưa bảo: “Cao ly đập sắt lửa cháy bùng”. Tôi thì chỉ lên chót vót bảo hãy kiến lập ngữ, ngày nay quả nhiên như vậy.

Tuệ Cần ngạc nhiên không đáp. Lúc này Thiền sư Phật Nhãn còn trẻ, mỗi mỗi sư đều chỉ bảo, hai người về sau đều là bậc Đại triệt ngộ. Từ đó có câu:

“Dưới cửa của Diễn có hai Cẩn một Viễn”.

Tiếng tám ba người chấn động gần xa, tăng chúng gọi họ là ba hào kiệt.

Diễn dời về núi Ngũ Tổ, Sư lo việc chùa chiền. Lúc mới dựng Đông trù ngay giữa sân có cây gỗ quý. Diễn bảo:

- Cây này có làm trở ngại cũng không được đốn.

Sư đốn đi, Diễn nổi giận cầm gậy đuổi đánh sư, Sư chạy trốn, bỗng bưng tỉnh nói:

- Đây là dụng của Lâm Tế mà thôi.

Nói rồi sư đỡ gậy và nói:

- Thằng giặc! Ta biết được ngươi rồi!

Diễn cười vang rồi bỏ đi. Từ đó Diễn bảo sư phân tòa thuyết pháp. Đầu năm Sùng Ninh, Sư về đất Thục thăm mẹ già, giảng thuyết ở Chiêu giác, được ít lâu sư từ giã đi. Tại Kinh châu, Sư gặp Thừa tướng Trương Vô Tận, hai người cùng bàn diệu chỉ của Hoa Nghiêm. Sư tinh thông diệu chỉ, nói năng lưu loát, lời lẽ gãy gọn. Vô Tận bất giác đứng dậy sư hỏi:

- Chân cảnh này so với chỉ thú tông môn thế nào?

Vô Tận đáp:

- Đương nhiên không khác.

Sư nói:

- Chẳng hề dính nhập.

Vô Tận có ý bất bình, Sư chậm rãi nói:

- Người xưa bảo: “Chẳng thấy chút sắc mới là bán đề, phải biết có toàn đề thời tiết, nếu thấu triệt được mới thấy cái dụng của Đức Sơn, Lâm Tế”.

Vô Tận tỉnh ngộ nói:

- Vốn từng nghi những lời luyện vàng ròng của Tuyết Đậu, ngày nay mới biết ông ấy không có chỗ bám víu.

Sư từng làm bài tụng:

Đầu cửa gặp ngay cơn sấm sét

Châm ngay yếu huyết bệnh khởi ngay.

Không ngờ hợp ý Thừa tướng, Vô Tận vui vẻ nói:

- Cứ sợ Tổ đạo dần suy. Ngày nay có thể gọi là “Gặp nạp tăng thì ta bị trói”.

Thứ sử Lễ châu thỉnh sư trụ ở Giáp Sơn. Sau đó không lâu sư qua ở tại Đạo Lâm, Tương Tây. Hồi ấy Đàm sư Châu Công nhân đề cử Lưu Trực Nhụ đến gặp sư, nhưng Nhụ tỏ ra không mấy tôn kính sư. Đến khi

thấy sư khai đường diễn xướng diệu tông, Nhụ mới thực sư kính phục.

Cuối năm Chánh Hòa, vua hạ chiếu thỉnh sư về trụ ở Tường Sơn, Kim Lăng, đạo pháp rất thịnh.

Tăng hỏi:

- Thế nào là thật tế lý địa?

Sư nói:

- Sao không nói đến chỗ trước khi hỏi?

- Chỗ trước khi hỏi làm sao nêu ra được?

- Phải theo đó mà đến.

- Nhanh quá khó gặp, phải hỏi một lần.

- Quên trước mất sau.

- Nếu luận việc này như đánh đá lửa xẹt, còn như lúc chưa gặp nhau thì thế nào?

Sư đáp:

- Ngoài ba ngàn dặm cũng gặp gã.

- Như vậy thì ngoài thanh sắc vẫn gặp được thầy?

Sư đáp:

- Xuyên thủng lỗ mũi.

- Trung thần chẳng sợ chết nên hay lập tiếng tăm trong đời, dũng sĩ chẳng tiếc sống nên hay làm việc lớn trong đời, chưa biết nạp tăng thì làm gì?

- Uy chấn trời đất chưa phải là vượt bên ngoài.

- Như vậy là ngồi lấp cả mười phương đứng cao đến ngàn nhận?

Sư nói:

- Xem tên.

Tăng hỏi:

- Chẳng rơi vào nhân quả, chẳng lầm nhân quả là giống hay khác?

Sư đáp:

- Hai cái vòng kim cang.

- Quy Sơn lay cửa ba lần rồi làm gì?

- Chẳng phải người cùng đường, tri âm chẳng kéo tới.

Sư có lần dạy chúng:

- Thế nào, thế nào là cùng sáng; chẳng thế nào, chẳng thế nào là cùng tối. Trong cái chẳng thế nào lại là cái thế nào, trong cái tối ngầm chứa cái sáng. Trong cái thế nào lại là cái chẳng thế nào, trong cái sáng ẩn chứa cái tối. Chỉ như đâm thủng không biết bao chỗ ngòi, dựng lập những việc trầy tay gãy kiếm như thế, vả lại gọi đó là làm cái gì?

Tới lúc ấy cao mà không trên, sâu mà không dưới, cùng tận bờ mé hư không, trong cực lân hư trần sạch rờ rờ, đồ phau phau. Đó là bình bát không đáy, cây gậy không ảnh. Trước núi Hùng Nhĩ, dưới ngọn Thiếu Lâm, lão Hồ chín năm lặng lẽ giữ những thứ đồ dùng ấy, trong tuyết sâu gặp kẻ tình quên ý dứt, lý sạch cái thấy tiêu, từ đó mới có một người thừa đương. Cùng sáng cùng tối, cùng thả cùng nhận là kiến lập, là bình thường rốt cuộc đều chưa dính nhập chỗ cực tặc? Vậy như thế nào là chỗ cực tặc? Chẽ đôi Hoa nhạc là trời thăm, ra khỏi Hoàng hà rách rách trôi.

Trong năm Tuyên Hòa, vua hạ chiếu thỉnh sư ở Thiên Ninh. Thái thượng lúc này ở Khang Đế, nhiều lần thỉnh sư đến giảng đạo. Sư nói kệ:

*Rất giản rất dị
Rất tôn rất quý
Xưa nay ngàn Thánh đội trên đầu
Thế, xuất thế gian không lường nổi.*

Lúc này Khâm Tông ở Đông cung, Sư đã nói lời sấm ký ấy trước với Thái Thượng. Niên hiệu Kiến Viêm năm đầu, Tể tướng Lý Bá Kỳ dâng biểu thỉnh sư trụ ở Kim Sơn. Vua xa giá đến Duy Dương, hạ chiếu thỉnh sư thưa hỏi về đạo pháp của Tây Trúc thế nào. Sư đáp:

- Bệ hạ dùng lòng hiếu trị vì thiên hạ, pháp của Tây Trúc lấy nhất tâm thống nhiếp ngàn muôn sai biệt. Chân tục tuy khác nhưng nhất tâm vẫn không hề thay đổi.

Thái Thượng rất vui, ban sư hiệu Viên Ngộ Thiên sư. Sư xin về núi Vân Cư sống hết tuổi già. Triều đình hậu đãi đưa tiền sư đi. Năm sau, Sư đến Vân Cư, lại quay về đất Thục lần nữa. Thái sư Vương Bá Thiệu thỉnh sư trụ ở Chiêu Giác.

Ngày năm tháng tám Thiệu Hưng thứ năm, Sư quy tịch. Lúc sắp mất, thị giả bưng giấy mực đến xin kệ, Sư viết:

*Thấu rồi vô công
Chẳng cần lưu kệ
Nhờ bày ứng duyên
Trân trọng! Trân trọng!*

Sư ném bút thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, tăng lạp năm mươi lăm hạ. Vua ban sư thụy là Chân Giác Thiên sư, tháp hiệu Tịch Chiếu.

Bính Thìn: Tháng năm, trâu tiền thay vì khỏi trả tiền thuế đình. Huy Tông nghe tin dữ, tháng tư thì băng hà.

4. *Thiền sư Thiệu Long ở Hồ khâu, Bình Giang:*

Sư hứ Thiệu Long, người huyện Hàm Sơn, Hòa châu. Sinh ra sư đã là người tuấn kiệt. chín tuổi xuất gia ở Phật Tuệ viện, sáu năm sau thì thế phát thọ giới. Năm năm sau sư khăn gói du phương, có chí phiêu bạt bốn phương cầu học. Đầu tiên sư đến Trường Lô yết kiến Thiền sư Tịch Chiếu. Trải qua thời gian tham học có chút ít tỉnh ngộ. Nhân đọc ngữ lục của Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần, Sư bất giác vỗ sách than:

“Nghĩ đến đồ chua thì chảy nước miếng, dù chưa nếm vào miệng, nuốt vào bao tử nhưng đã làm người ta thích thú rồi, chỉ hận là chưa được nghe ngài ho hen thôi”.

Thế rồi, Sư muốn đến yết kiến Viên Ngộ.

Sư đến Bảo Phong yết kiến Thiền sư Trạ Đờng. Đờng hỏi:

- Thế nào là việc hành cước?

Sư vấn áo đưa ngực ra nói:

- Hòa thượng nghiệm xem.

Trạ Đờng đánh, Sư nắm gậy nói:

- Chớ có đánh càn!

Trạ Đờng cười vang. Sư ở lại đây hơn một năm rồi đến Hoàng Long yết kiến Thiền sư Tử Tâm.

Tâm hỏi:

- Ông là tặng gì?

Sư đáp:

- Tặng hành cước.

- Tặng ở thôn nào? Đi bằng lừa hay ngựa?

- Kẻ Man di Quảng nam nói cái gì? Sao không nói lớn một tí!

Tử Tâm vui vẻ nói:

- Cũng có chút khí khái của Nạp tặng.

Sư liền hét rồi lui về tham đờng. Sư ở đây được một hạ, Tử Tâm rất hứa khả. Mỗi lần gặp sư, Tử Tâm đều khen là người tái lai.

Cơ Phong của Tử Tâm vùn vụt, vượt hẳn các nơi khác, nếu chẳng phải bậc thượng căn thì không ai đương nổi. Thế nhưng đối với sư Tử Tâm thường tán thưởng, đại chúng đều khiếp sợ. Sau đó sư đến Giáp Sơn yết kiến Thiền sư Viên Ngộ. Lúc ngang qua núi Long Nha, Sư gặp Thiền sư Phát Tử Mật, Mật hậu đãi sư, hai người luận cổ bàn kim, đến chỗ nào đắc ý thì vỗ tay cười vang. Có lúc cứ như người điên, người ta bảo họ là Quy Sơn, Ngưỡng Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc của đời nay. Ở được ít lâu, Sư đến Giáp Sơn. Gặp lúc Viên Ngộ dời đạo tràng về Đạo Lâm, Sư cũng đi theo.

Một hôm sư vào thất, Viên Ngộ dẫn giáo môn nói với sư:

- Lúc tâm thấy, cái thấy ấy không phải là thấy của con mắt, cái thấy mà lìa cái thấy thì cái thấy con mắt không theo kịp.

Viên Ngộ đưa nắm tay lên hỏi:

- Ông thấy không?

Sư đáp:

- Thấy.

- Trên đầu lại đặt thêm đầu.

Sư nhân đây tỉnh ngộ. Viên Ngộ gạn lại:

- Ông thấy cái gì?

Sư đáp:

- Tre đây chẳng ngại nước chảy qua. Viên Ngộ hứa khả. Từ đó sư hầu hạ Viên Ngộ như bóng với hình. Hai mươi năm sau, Sư đã triệt ngộ hết sở đắc của Viên Ngộ.

Sư xin Viên Ngộ về thăm song thân, rồi trụ ở chùa Bao thiên, sửa sang lại cảnh Ma da Hoàng hậu và Đạo-lợi thiên cung. Sau đó sư được thỉnh trụ ở chùa Khai Thánh thuộc Thành Tây, tứ chúng quy tụ về đây vô số. Trong năm Kiến Viêm có loạn, giặc cướp nổi lên ở Hoài Thượng, Sư bèn đi về Nam. Quan dân ở Tuyên thành vốn khâm phục tài đức của Sư, liền dựng am dưới ngọn Đồng phong thỉnh sư hoằng hóa. Quận thú Thượng thư Lý Quang thỉnh sư trụ trì pháp tịch Chương Giáo, từ đây đạo pháp rất hưng thịnh. Bốn năm sau, Sư dời về Hồ Khâu. Lúc này Thiên sư Viên Ngộ cũng chưa có chỗ ở yên, trôi nổi ở Giáp Sơn cuối cùng về đất Thục. Những người đồng tham với sư hồi ấy cùng với lớp hậu học sau này vượt ngàn dặm tìm đến sư. Mỗi lần thăng tòa, Sư ung dung chỉ bày, ôn tồn giảng nói, hòa nhã với mọi người, Sư tùy căn cơ đều làm cho họ mãn nguyện. Vì vậy đạo pháp của Viên Ngộ lại được hoằng hóa rộng sang Đông nam. Các nơi đều bảo chẳng khác Viên Ngộ còn sống. Ở được ba năm, Sư có chút bệnh, thừa với chúng rằng:

- Phải cử đệ nhất tòa Tông Đạt đảm đương việc trong viện.

Chúng thưa hỏi việc trong cả quận sau này thế nào, Sư cầm bút viết bài kệ:

Không pháp để nói

Đó là thuyết pháp

Bởi vì Phật pháp

Không có lời thừa

Trân trọng!

Sư ném bút rồi tịch, nhằm ngày tám tháng năm Thiệu Hưng thứ

sáu, thọ sáu mươi tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ, tháp sư ở phía Nam núi.

Đình Ty: Nước Kim phế Lưu Dự. Tề diệt vong.

Mậu Ngọ: Tần Cối làm Hữu tướng. Ân Đôn lui ở ẩn nhưng lo lắng nói:

- Cối là tướng gian hùng.

Nước Kim niên hiệu Thiên Quyển năm đầu.

Kỷ Mùi: Vua hạ chiếu cho các châu quận dựng chùa Báo Ân, Quang Hiếu để hương hỏa tế tự Huy Tông.

Canh Thân: Tây Hạ, Nhân Tông Thát bạt Nhân Hiếu lên ngôi. Ông là con của Càn Thuận, lên ngôi đổi niên hiệu Đại Khánh.

Tân Dậu: Tần Cối, Trương Tuấn bàn mưu giết Nhạc Phi, Nhạc Vân. Trương Cửu Thành lên Kính Sơn gặp Đại Tuệ thăng tòa thuyết pháp. Tuệ nói trong nước có vị thần tay cầm cung, lúc này Tần Cối nắm quyền binh, cho Tuệ gièm pha triều đình nên đày Sư đi Hành Dương. Nước Kim đổi niên Hoàng thống.

Nhâm Tuất: Vua chia ruộng vạch bờ thâu thuế ruộng. Vi Thái hậu về nước Kim. Việc cấp độ điệp cho tăng ni bị đình lại.

Nước Kim:

Ngày sinh của Anh Diệu Thái tử, vua mời Đại sư Hải Tuệ dựng chùa tại Chử Khánh cạnh cung Thượng Kinh, phổ độ cả trăm vạn tăng ni, đại xá thiên hạ.

Quý Hợi: Vua Kim hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hải Tuệ và Thanh Tuệ trụ trì chùa Chử Khánh, nghênh đón Thụy tượng vào Tích Khánh cung trong chùa này cúng dường.

Cảnh Đức Pháp Vân biên tập bộ Phiên Dịch Danh Nghĩa, Kinh Khê Châu Đôn Nghĩa viết bài tựa.

Giáp Tý sáu mươi bốn: Tây Hạ năm Nguyên Khánh năm đầu.

Ất Sửu: Hải Tuệ thị tịch, vua dẫn Hoàng hậu đi thâu xá-lợi, dựng tháp ở năm nơi, ban Sư thụ là Phật Giác Hựu Quốc Đại Thiền Sư.

Bính Dần: Tháng giêng, vua hạ chiếu phá Dâm từ. Tần Cối phân chia ruộng đất ở các nơi như Lương triết, Tứ xuyên. Nước Kim lại ban cho Thanh Tuệ Phật Trí Hộ Quốc Đại sư hiệu là Quốc sư, ban cho Báo tòa, Đại y kim tuyến cùng những vật dụng quý hiếm khác. Sư là người được nhà vua tôn kính nhất từ xưa đến nay. Vua và Hoàng hậu mỗi lần cung đón đều lay sát chân sư.

Nước Kim và Mông Cổ nghị hòa. Mông Cổ tự xưng là Tổ Nguyên Hoàng đế.

5. *Thiền sư Phật Trí Đoan Dụ:*

Mậu Thìn: Thiền sư Phật trí Đoan Dụ thị tịch. Sư là hậu duệ của Ngô Việt Tiên vương, nối pháp Thiền sư Viên Ngộ. Lúc đầu sư ở Đan Hà, Đẳng châu rồi dời qua Hồ Khâu, kế đó qua Kính Sơn cất am trên Tú phong, Tây Hoa. Vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì ở Bảo ninh, Kiến Khang, sau dời về Vạn thọ, rồi về Tây Thiên ở Sa Thọ sơn, Mân trung. Sau có chiếu thỉnh Sư về Linh Ẩn. Mùa thu năm đó lại đến trụ ở chùa Dục Vương thuộc Minh châu. Nối pháp của sư có Thiền sư Vĩnh An ở Tịnh Từ.

Kỷ Tỵ: Nước Kim, Hoàn Nhan Lượng lên ngôi. Ông là cháu của Thái Tổ, ban đầu có tên là Bột Liệt, giết chúa rồi tự lập, dời đô về đất Yên, sau đi Nam chinh đóng quân ở đất Biện rồi đi Giang Thượng bị các tù trưởng giết ở chùa Quy Sơn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu Thiên Đức. Tây Hạ đổi niên hiệu Thiên Thạnh.

6. *Thiền sư Mục Am Pháp Trung:*

Năm Thiệu Hưng thứ mười chín, Thiền sư Mục Am Pháp Trung quy tịch. Sư họ Diêu, tên là Pháp Trung, người huyện Cận ở Tứ minh. Hồi ấy, mẹ sư mộng thấy Di tăng xin vào ngủ nhờ, nhân đó bà mang thai. Lúc chào đời có dây lụa tía quấn quanh người sư. Từ nhỏ, Sư đã thích yên tĩnh, lớn lên sư xin cha mẹ đi xuất gia. Sư theo Đại sư Đạo Anh ở viện Sùng Giáo học kinh luận. Năm mười chín tuổi nhờ thi kinh mà được độ làm tăng. Sư đến pháp tịch nghe giảng, nghiên cứu giáo quán Thiên Thai, tinh thông số nghĩa, thành thử có chút tự phụ. Ngày nọ bỗng nhiên sư mện mộ thiên tông, bị thiên giả bắt bí nhân đó sư khởi nghi. Sư đến Thiền sư Giao ở Thiên Đồng cầu quyết nghi, dưới lời của Giao, Sư không khế cơ, Giao bảo sư đến tham vấn Tuyết Đậu ở Mân Trung, Sư đối đáp với Thiền sư Nhu nhưng vẫn không khế hội. Nghe Thiền sư Phật Nhãn đang ở tại Long Môn, Hoài Tây, Sư bèn đến ra mắt. Đọc đường sư vẫn không quên những điều nghi nan nhưng chưa được thông suốt. Bỗng gặp một cái xe xoay nước, phía trên có tấm biển ghi “Pháp luân thường chuyển”, từ đó sư hốt nhiên đại ngộ, khối nghi tiêu tan, Sư liền làm bài tụng:

*Chuyển đại pháp luân
Rành rành trước mắt
Hỏi thế nào nữa Nước
chảy đá mòn.*

Sư vẽ vòng tròn trình cho Phật Nhãn, Nhãn hỏi:

- Trong ấy phải làm gì?

Sư đáp:

- Dưới khe nước thường chảy.

- Rốt cuộc thế nào?

- Nước chảy đá mòn.

Phật Nhãn bảo:

- Về tăng xá nghỉ đi, chớ nói ai biết, năm ngày nữa hãy tới đây, ta còn một câu muốn nói với ông.

Sư nói:

- Một câu này cũng không tiêu được.

Phật Nhãn nhéo bên má sư, Sư đánh lễ. Sau sư từ giả Phật Nhãn, vượt Cửu giang lên Lô Khâu, Sư ngủ nghỉ dọc đường, làm bạn với rắn cạp. Gặp nơi cảnh vật u nhã, hễ đắc ý là sư ngủ lại. Một lần nằm ngủ dọc đường, Sư phát hiện bên cạnh có mấy gốc cây khô đã bị người ta đốt chỉ còn gần một thớ, bên trong rỗng và sạch sẽ, Sư liền chui vào đó ở hơn mười ngày. Xa gần đồn đại, người ta đến xem rất đông. Sư không muốn người ta biết tông tích mình, chỉ để lại bài kệ:

Ai đem lửa Tam-muội chân không

Đốt cháy một gốc củi phiền não

Chỉ có gốc to nguyên chẳng động

Đâu còn cành nhánh vẫy phong trần.

Sư đến Lạc Đàm yết kiến Thiền sư Trạm Đường, hai bên cơ phong chớp nhoáng, Trạm Đường rất thán phục sư. Lúc này pháp tịch của Hoàng Long rất thịnh. Sư dự định kiết hạ ở đây nhằm bớt tiếp xúc nhưng Tử Tâm đạo mạo đức uy nên sư rất ít trở tài.

Có một đêm, Sư cầm kiếm vào thẳng trong thất Tử Tâm nói:

- Nghe nói lão Hòa thượng không sợ sống chết phải không?

Tử Tâm định nói, Sư vung kiếm lên, Tử Tâm đưa cổ cho chém, Sư vát kiếm xuống đất múa hai tay rồi thoái lui.

Sư đến Tương Tây gặp Viên Ngộ ở Đạo Lâm, Viên Ngộ rất hứa khả. Sau đó sư đến Hành Nhạc rồi theo đường mòn đến bên phải Linh nam. Sư lấy làm lạ vì thấy mỏm đá có hình con trâu nằm, Sư dựng am bên cạnh lấy tên là Mục am. Sư ở đây hơn hai mươi năm, hình dung gầy ốm, đạm bạc qua ngày. Có lúc nhiều đêm không ngủ, có khi nhiều ngày không ăn, tóc dài cũng chẳng cạo, áo rách cũng chẳng thay. Thiền khách trong thiên hạ tôn xưng sư là người tận trung với đạo pháp. Nạp tử bốn phương không chú trọng hình thức bên ngoài của Sư, sĩ phu nơi nơi nghe tiếng tầm sư đều rất ngưỡng mộ. Khu mật Liễu Trọng trước

đây trấn giữ Trường Sa thỉnh sư hoằng hóa, tứ chúng cũng rất mong nhưng sư chẳng đoái hoài gì tới. Lúc này pháp tịch ở Thắng Nghiệp bỏ không, Liễu Trọng có ý thỉnh sư đến chủ trì bèn nhờ Tăng chúng Thiên lâm thỉnh sư. Sư nghe tin ban đêm trốn đi. Họ đuổi theo sư đến Định Minh Lan nhả. Tăng chúng đánh trống khai đường rồi thỉnh sư thăng tòa. Tăng, tục đứng xếp hàng bái thỉnh sư. Sư bùi ngùi nói kệ:

*Ôi! Ôi! Gã mặt vàng
 Dem pháp trao vua tôi
 Dưới rừng không tâm khách
 Quan ép sai giết người
 Xưa nghe lời này
 Nay thấy việc này.*

Sư xuống tòa quảy túi đến thẳng đạo tràng Thắng Nghiệp lãnh việc trụ trì. Cấp sự Phùng Tế Xuyên soạn bài sở khai đường, trong ấy có đoạn ghi:

“Phật Nhãn xoa đầu mà ngộ pháp luân thường chuyển, trong thất Tử Tâm cầm kiếm tuệ múa theo”.

Đương thời người ta ghi hết lại những việc thật của Sư. Về sau sư ra hoằng hóa, dùng thiền pháp hưng hóa giáo môn, chẳng phiền gì đến việc đi ở. Bởi vậy từ Thắng Nghiệp sư dời về Nam Mộc, Vân Cái, Công An, Đại Quy tất cả năm đạo tràng. Sau Lý Cát Phủ thỉnh sư đến Dự chương trụ tại Hoàng Long. Thái úy Hình Hiếu Dương cúng vàng để dựng một bảo tháp ở Hương Nguyên nằm phía Đông chùa. Vừa làm xong thì dãy núi sau phương trượng bỗng có hào quang trắng phóng ra, từng bầy chim thước bay qua kêu vang. Sư cười nói:

- Ta sắp đi rồi!

Sư cầm bút viết bài kệ:

*Sáu mươi sáu năm
 Đạo trong mộng huyễn
 Ngâm nga đi về
 Phủ tay đi mãi.*

Viết xong sư nói với đồ chúng:

- Việc sau này nên nương theo quy củ của Thiên sư Linh Nguyên Duy Thanh. Nói xong sư nhắm mắt thị tịch.

Canh Ngọ: Nước Kim bỏ việc độ Tăng, Đạo.

Tăng thì Tăng thường trụ có ngày bị tuyệt diệt. Nay lệnh cho Hộ bộ hãy chọn lựa những người có học thức độ làm tăng.

Thế Tôn diệt độ hai ngàn một trăm năm.

7. *Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu:*

Thái Hoàng hậu Vi thị dựng Sùng Tiên Hiển thiền tự ở núi Cao Đình, Hàng châu. Vua có chiếu thỉnh Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu làm đời thứ nhất khai sơn. Không bao lâu, Sư quy tịch, tháp được dựng trong khuôn viên chùa. Sư họ Ung, người Tả Miên, nối pháp với Tử Thuần ở Đan Hà. Sư từng soạn bài ký nói về Vô Tận Đẳng rằng:

“Đông bình đập vỡ gương đã hơn ba trăm năm rồi; Long Đàm thổi tắt đèn cũng hơn bốn trăm năm rồi. Con cháu đời sau mê mơ đối với chánh nhãn cho rằng gương đã vỡ, đèn đã tắt, thế nhưng đâu biết đi đứng nằm ngồi đều phóng đại quang minh, đó là đèn chưa từng tắt vậy. Thấy nghe hiểu biết đều soi thấu vạn tượng, đó là gương chưa từng vỡ. Đèn tuy không bóng nhưng hay chiếu sáng đêm trường sinh tử; gương tuy không đài nhưng hiện rõ ma hoặc sinh tử. Gương và đèn chiếu soi mà thường vắng lặng; sáng và soi huyễn huyễn đều như. Chiếu thì vô cùng nên gọi là Vô tận đẳng; soi cũng vô cùng nên gọi là Vô tận cảnh. Việc hàng ngày chẳng mù mờ, rành rành ngay trước tâm mắt, chỉ vì chúng sinh mê mờ không biết nên mới có kinh giáo, mở bày phương tiện như huyễn. Ví như Đông, Tây, Nam, Bắc trên dưới và bốn phương phụ, ở chính giữa này đặt một ngọn đèn, bên ngoài đặt mười cái gương. Mười cái gương ấy dụ cho mười pháp giới, một ngọn đèn đó dụ cho chân tâm. Đứng về lý thì một chân tâm này không có gì khác biệt; đứng về sự thì mười pháp giới kia có vạn trạng. Như vậy thì ngoài lý không có sự, ngoài gương thì không có đèn. Tuy trong mỗi tấm gương đều có vô số ngọn đèn, vô số ngọn đèn ấy chỉ có một ngọn mà thôi. Trong sự có vô tận lý, vô tận lý ấy chỉ có một lý mà thôi. Do một lý hình thành sự sai biệt, cho nên sự ấy vô ngại. Do một ngọn đèn chiếu khắp các gương khác nhau nên mỗi cái gương đều dung nhiếp nhau. Một cái gương đứng im nhưng hay có khắp, dung khắp, nhiếp khắp, nhập khắp. Một sự chẳng hoại mà là đây, là kia, là một, là nhiều, chủ bạn dung thông trùng trùng vô tận.

Thương thay! Chúng sinh ở trong tất cả bụi mà chẳng biết mỗi hạt bụi đều là vô tận sát hải của Tỳ-lô-giá-na. Phổ Hiền chỉ ra một lỗ chân lông mà không biết mỗi một lỗ chân lông ấy đều hàm tàng sắc thân Tam-muội của chúng sinh. Như vậy thì tất cả chúng sinh hàng ngày làm bất cứ chuyện gì cũng đều ở trong lỗ chân lông của Phổ Hiền. Ở trong ánh quang minh của Tỳ lô đều ra vào trong lâu đài của Từ Thị, đều qua lại trên đầu kiếm nhọn của Văn-thù. Trong mỗi mỗi niệm đồng ra đời với chư Phật, đồng chứng Bồ-đề, đồng chuyển pháp luân rồi cùng nhập

diệt như gương với gương, như đèn với đèn. Bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng đều dung nhiếp vô ngại. Bởi vậy mới nói đó là pháp môn giải thoát không thể nghĩ bàn, chẳng phải chúng sinh có đại tâm thì không đến cảnh giới này được. Có người hỏi:

- Thấy nghe hiểu biết, việc làm hàng ngày hiện nay rốt cuộc là đèn hay chẳng phải đèn, là gương hay chẳng phải là gương?

Đáp rằng:

*Đèn gương, gương đèn vốn không khác
Sơn hà đại địa đốm trong mắt
Lá vàng rơi rơi đầy sân cỏ
Một tiếng chà khua đội nhà ai”.*

Năm này đổi chùa Cô Sơn thành Diên Tường tứ thánh quán, dời tháp của Pháp sư Viên về an táng trên gò Mã Nảo ở Bắc Sơn.

8. Đại Tuệ dời về Mai Dương:

Quý Dậu: Kim đổi niên hiệu Trinh Nguyên. Tháng giêng Trương Đăng Sai Vương Trung đề xưng Toàn chân giáo. Ngày nay ở Mã khẩu Lưu Hòa vẫn còn.

Giáp Tuất: Nước Tống: Tần Cối chuyên quyền, sĩ đại phu và những người tài năng đều bị Cối dày đi xa, những kẻ lòng dạ hẹp hòi không tên không tiếng nhưng nếu nói ra điều gì hợp ý Cối thì được làm quan ngay. Một nửa còn lại Cối cho là đồng bọn, hễ nói một lời chống đối đều bị dày đi chẳng khác nô lệ, họ đều bị tước hết chức vị, thân hết tài sản cho về làm thường dân.

Ất Hợi: Bộ Vân Ngọa Kỷ Đàm và La Hồ Dã Lục hoàn thành, do Sa-môn Cảm Sơn Hiểu Oánh soạn. Sư tự là Trọng Ôn, nối pháp Thiên sư Đại Tuệ Tông Cao.

Bính Tý: Tháng sáu ban ngày có sao rơi. Nước Kim đổi niên hiệu là Chánh Long năm đầu. Vua hạ chiếu cho Đại Tuệ làm tăng trở lại và trụ trì chùa A Dục Vương.

Đinh Sửu: Tháng tám, có chiếu cấp độ điệp cho tăng ni còn lại ở các lộ. Hoàng thượng nói:

- Trẫm chưa từng có ý tuyệt diệt Phật pháp, chỉ sợ tăng chúng đông thì không còn người cày cấy.

9. Thiên sư Hoàng Trí Chánh Giác:

Tháng mười, Thiên sư Hoàng Trí Chánh Giác ở chùa Thiên Đồng Minh châu thị tịch. Sư họ Lý, quê ở Thấp châu. Mẹ họ Triệu. Đem sư

chào đời ánh sáng chiếu rực cả nhà, ai nấy rất lấy làm lạ. Lên bảy tuổi, mỗi ngày sư đọc sách đến vài ngàn lời, thông cả ngũ kinh. Gia đình đều sùng đạo nên bảo sư xuất gia. Sư theo Đại sư Bản Tông ở chùa Tịch Minh xuất gia. Thọ giới Cụ túc với Đại sư Trí Quỳnh ở chùa Từ Vân, Tấn châu. Năm mười tám tuổi, Sư du phương, hứa với ông nội rằng: “Nếu không sáng tỏ việc lớn thì không quay về”.

Sư đến đất Giáng, có người bảo ở đây không có thầy để sư nương cậy. Quan Ấp Doãn thấy sư tuấn tú, nhân đó đưa cây quạt đang cầm trong tay ra nói:

- Hãy cho ta một lời chuyển ngữ.

Sư liền cầm bút viết lên đó bài kệ, Ấp Doãn vui mừng liền xin đi theo. Sư vượt sông vào đất Lạc, yết kiến Đại sư Thành ở Nhữ Châu. Lúc này pháp tịch của Đan Hà Tử Thuần rất thịnh, Sư liền đến ra mắt Đan Hà. Đan Hà hỏi:

- Thế nào là chính mình từ không kiếp trước về trước?

Sư đáp:

Ếch nuốt ánh trăng dưới đáy giếng
 Canh ba chẳng mượn bức rèm châu.

Đan Hà nói:

- Chưa được hãy nói lại!

Sư suy nghĩ, Đan Hà đánh một phát tử nói:

- Cứ nói không mượn.

Sư hốt nhiên tỏ ngộ, làm lễ. Đan Hà hỏi:

- Sao không nói một câu xem!

Sư thưa:

- Hôm nay con tiền mất tật mang.

Đan Hà nói:

- Chưa rảnh để đánh ông,. Hãy đi đi!

Lúc này sư đã hai mươi ba tuổi. Đan Hà lui về chùa Đại Thừa ở Đường châu, Sư cũng đi theo. Năm Tuyên Hòa thứ hai, Đan Hà dời về Đồng Hồng, Sư làm người ghi chép sổ sách trong thất suốt ba năm. Lúc sư làm thủ tòa, Kim Túc Trí Tuyết Đậu Tông Bảo, Phước Ngộ Phụng Sơn Chiêu đều cùng sư tham vấn. Sau sư nhận pháp tịch ở Viên Thông chiếu Thiền sư và hoằng hóa. Lúc này Thiền sư Chân Hiết ở Trường Lô mời sư làm thủ tòa, chúng đông đến một ngàn bảy trăm người, thấy sư cầm phát tử giảng thuyết, đại chúng đều kính phục sư. Sư nối pháp Thiền sư Đan Hà, ra hoằng hóa ở Phổ Chiếu, Tứ châu. Chùa này trước đây bị lấy một nửa làm Thần Tiêu cung. Về sau vùng Lương Hoài gặp

nạn đói, nhà tù trống không, ngày hai bữa chỉ ăn rau tạp, rồi đến ăn toàn lúa tẻ, tăng khố cũng chối từ không cấp phát lúa nữa. Sau đó tín thí kéo đến cúng dường vô kể. Huy Tông xa giá về Nam, Sư dẫn chúng ra đón tiếp, vua thấy tăng chúng đông đến hơn ngàn người, đạo tràng trang nghiêm rất nề nếp quy củ, trong lòng rất kính phục. Vua hạ chiếu thỉnh sư đến hỏi han và trả lại nửa phần chùa còn lại.

Đầu năm Kiến Viêm, Sư trụ ở Thái Bình, Thư châu. Sau dời qua viện Viên Thông Năng Nhân ở Giang châu. Bàn giao công việc để vân du đến Vân Cư yết kiến Thiên sư Viên Ngộ. Lúc này pháp tịch ở Trường Lô bỏ không, đại chúng ai nấy đều muốn thỉnh sư khai pháp. Viên Ngộ và An Định Quận vương cũng khuyên sư nên đi. Sư vào chùa không lâu thì gặp phải giặc cướp Lý Tại đến quấy nhiễu, Tăng chúng hoảng sợ giải tán hết chỉ còn mình sư vẫn ngồi yên trong thất, dùng lời lẽ khéo léo giáo hóa bọn giặc. Bọn Lý Tại khấu đầu lay tạ vô cùng kính phục sư rồi rút lui. Chúng còn tặng sư bạc vàng để lo việc cơm áo cho Tăng chúng. Trường Lô nhờ đó mà được yên.

Năm Kiến Viêm thứ ba, Sư vượt Triết giang đến Minh châu lễ Quán Âm trên Bồ Đà sơn. Sư hoàng hóa ở chùa Thiên Đồng, tiếng tăm vang đến triều đình. Mọi người thấy sư đến liền ngậm báo với Quận soái thỉnh sư. Lúc đầu sư từ chối, Quận soái thỉnh cầu mãi, cuối cùng sư đồng ý. Không lâu, giặc cướp lại nổi lên quấy phá, tăng chúng giải tán chỉ còn mình sư. Bọn giặc kéo lên núi cao dò xét, thấy sư là lập tức rút lui, không hề cướp phá mảy may nào. Ai nấy đều thán phục cho họ có thần trợ giúp sư.

Tháng chín vua có chiếu thỉnh sư trụ trì chùa Linh Ẩn Lúc sắp đi tứ chúng than khóc, muôn chim kêu bi thảm. Tháng mười vua có chiếu để sư về lại Thiên Đồng. Sư ở đây tất cả ba mươi năm. Chùa Thiên Đồng rất rộng đến mấy ngàn gian, Sư đều tu bổ sửa sang mới cả.

Tháng chín năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bảy, Sư từ biệt Quận soái và đàn việt, ngày bảy tháng này sư về lại núi, vẫn sinh hoạt như thường, đến ngày tám sư tắm rửa, thay y áo, cầm viết viết thư cho Đại Tuệ, phó chúc việc hậu sự rồi viết bài kệ rằng:

*Mộng huyễn hoa đốm
Sáu mươi bảy năm
Khói, chim trắng lặn
Nước thu in trời.*

Sư ném bút quy tịch, vua ban sư thụy Hoằng Trí Thiên sư, tháp hiệu Diệu Quang.

Mậu Dần: tháng sáu, ban ngày có sao rơi. Tháng tám động đất. Vua hạ chiếu thỉnh Đại Tuệ ở chùa Dục vương về lại Kính sơn.

Kỷ Mão: Tháng bảy, Hàn Lâm Lý Đảo dâng vua sơ biểu của bá quan.

Canh Thìn: Tháng mười hai, Khâm Tông mất ở thành Ngũ quốc.

Tân Ty: Hạ chiếu cấp độ điệp cho Tăng Ni.

Nước Kim: Thế Tông lên ngôi. Thế Tông tên là Ung, Ban đầu tên là Bao, được phong làm Sở vương là cháu của Thái Tổ. Hải Lăng Vương Lượng trái lời thề đem binh đánh Nam, cho ông giữ thành. Nhân đó ông tự lập, đóng đô Yên Kinh. Ông nhân hậu từ tốn cần kiệm, không thích đánh nhau, trong nước yên ổn. Ông trị vì hai mươi chín năm, người ta gọi ông là Tiểu Nghiêu Thuấn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại Định.

Phật giáo truyền sang Trung Quốc được một ngàn một trăm năm.

10. Hiếu Tông: (Nhâm Ngọ)

Hiếu Tông tên là Duệ. Ban đầu tên là Bá Tông, là cháu bảy đời của Thái Tổ. Mẹ ông họ Trương, sinh ông ở Tú châu, lúc sinh có điềm lành. Ông ở ngôi hai mươi bảy năm, thọ sáu mươi tám tuổi.

Nước Kim dời đô về Yên Kinh. Vua dựng Đại Khánh Thọ tự xong, hạ chiếu thỉnh Thiền sư Huyền Minh Khải Công làm đời thứ nhất khai sơn, lệnh cho Hoàng tử Yên Vương đem cúng hai vạn đồng và hai mươi khoảnh ruộng.

11. Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa: (Quý Mùi)

Đổi niên hiệu Long Hưng năm đầu. Ngày mười ba tháng sáu năm này Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa ở chùa Thiên Đồng quy tịch. Sư họ Giang, người Hoàng Mai, Ngạc châu. Vừa sinh, Sư đã tỏ ra là người kỳ đặc, mặt mũi khôi ngô. Từ nhỏ đã biết chán ngán thế duyên, quyết chí tìm cầu pháp vị, tế độ hữu tình. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia ở chùa Đông thiên, năm sau thọ Cụ túc. Năm sau nữa sư du phương tham vấn. Đầu tiên Sư đến Tùy châu yết kiến Hòa thượng Thủy Nam Toại, lãnh hội được chút pháp vị. Kế đó sư đến Vân Cư, Thiền sư Viên Ngộ vừa gặp liền niềm nở hết lòng đôn đốc sư, rằng vì Phật pháp ta phải khổ công làm việc khó làm, bôn ba đây đó chỉ sợ tốn phí thời gian thôi. Lúc này Viên Ngộ vào đất Thục, bảo sư qua Tuyên châu yết kiến sư Chương Giáo Thiệu Long. Thiệu Long là môn đệ của Viên Ngộ. Thiệu Long dời qua Hồ Khâu, Sư đi theo, chưa đầy nửa năm sư đã thông triệt

được đại pháp, chợt thấy rõ chỗ giúp người của Viên Ngộ. Ở được thời gian, Sư từ biệt Thiệu Long đi du phương. Đầu tiên sư hoằng hóa ở Liên vân, Xử châu. Xử châu Thái thú dùng đại lễ thỉnh sư khai đường, thuyết pháp. Kế đó, Sư trụ ở chùa Minh ở quả, Cù châu; Đức chương ở Ngạc Châu; Báo Ân, Tiến Phước ở Nhiêu châu; Bảo lâm, Báo Ân ở Vụ châu; Đông Lâm ở Giang châu; Tường Sơn ở Kiến Khang; Vạn thọ ở phủ Bình Giang. Sau đó sư trụ ở Nam Khang và Quy Tông, cuối cùng trụ ở Thiên Đồng. Lần này là do Tăng, tục hết lòng thỉnh sư ở lại. Sư xiển dương đại pháp, khai mở cho người chưa ngộ, người học xa gần đều tìm đến sư đông không kể xiết. Đối với việc phổ thuyết, tiểu tham, vấn đáp, giám biện, sư đều ôn tồn, thông thả, khéo léo vô cùng với những người vào thất thì cơ phong chớp nhoáng, linh hoạt sâu xa. Lúc mới tổ ngộ, Sư đã từng cùng Nguyên Bồ Đại ở am này du phương, cùng đối cơ luận biện, sợ ngộ mỗi ngày một sâu. Từ khi dời am về Hộ Quốc, đến bây giờ hai người mới được gặp lại, họ vui mừng khôn xiết. Tuy am ấy không còn, nhưng đối với sư chẳng thể nào quên được, mà việc khai đường nối Pháp sư cũng luôn nhớ đến Hồ Khâu, thế nhưng sở đắc của sư hoàn toàn khác so với những người có tiếng tăm gần đây chỉ biết hướng dẫn người học cúng dường cầu phước. Tuy cũng trụ trì, cũng thuyết suông luống thọ, nhưng dù là vật nhỏ nhiệm nhất, Sư cũng xem xét rất kỹ, chưa từng có chút cầu thả. Nếu không hợp ý mình thì dù mảy may sư cũng kiên quyết khước từ không bao giờ nhận. Sư từng tự sách tấn mình: “Nạp tăng ở viện này xem giày cỏ, đại gì như rắn tiết hang sâu”. Sư thường khuyên răn đồ chúng chớ có buông lung, việc gì sư cũng làm gương cho họ. Lúc sắp quy tịch, Sư treo bảng không tiếp khách, nhập thất liên tục trong thời gian dài. Lúc sắp mệnh chung, có người xin kệ để từ biệt đàn việt. Sư nói:

- Ta từng cười chê việc làm ấy của các nơi, lẽ đâu nay ta lại làm với mình ư?

Mọi việc sau này trong tự viện sư cũng chẳng dặn dò gì rồi kiết già quy tịch, thọ sáu mươi một tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ.

12. Thiền sư Kính Sơn Tông Cảo:

Năm này Thiền sư Kính Sơn Tông Cảo thị tịch. Sư họ Hề, người Ninh Quốc, Tuyên châu. Thuở nhỏ sư đã tỏ ra rất thông minh hào khí, mười ba tuổi mới vào học ở trường làng. Ngày nọ, Sư đùa nghịch với bạn bè, chẳng may ném nghiên trúng phải thầy giáo và bị phạt tiền rồi đuổi đi. Sư than: “Học sách thế gian đâu bằng nghiên ngẫm pháp xuất

thế”.

Sư xuất gia ở viện Tuệ Vân, Đông sơn. Trong năm Nguyên phong, viện này có đúc một tượng Thích-ca. Có một dị nhân là Đinh Sinh nói với Tăng chúng trong viện:

- Dựng tượng xong, mười hai năm sau sẽ xuất hiện một Đạo sư, làm đại hưng tông phái. Nếu tượng gặp nạn thì người ấy mới đến, nếu tượng bị hủy hoại thì người đó cũng sẽ gặp nạn.

Trong năm Sùng Ninh giặc cướp nổi lên, tăng chúng phải đào huyết để giấu tượng. Lúc ấy sư cũng vừa đến. Sư lễ Tuệ Tê làm thầy, năm sau thì thế phát thọ Cụ túc. Từ đó trí tuệ và tài biện luận của sư hơn hẳn mọi người. Sư đọc ngữ lục của Vân Môn, cứ ngỡ mình đã đọc lâu rồi. Nghe lão túc Thiệu Trình nhiều năm y chỉ Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Sư nhiều lần đến yết kiến và nghe được diệu chỉ của Tuyệt Đâu. Sư đến Bảo Phong yết kiến Thiền sư Tràm Đường Văn Chuẩn. Nhìn thấy sư có phong thái xuất cách, Chuẩn rất hứa khả, sai sư làm thị giả, chỉ sư con đường thẳng tắt để vào đạo. Sư thẳng thắn ứng cơ không hề khoan nhượng. Văn Chuẩn trách sư:

- Ông chưa từng ngộ, bệnh là do ý thức, nếu chạy theo cái thấy biết ấy, đó là sở tri chướng.

Lúc này Lý Bành Thương đã tham vấn rất lâu với Văn Chuẩn, lúc sư đi có nói với Bành Thương:

- Đạo phải ngộ ngay, cái vi diệu là ở chỗ tâm rộng rang, thể nhập đạo không phải dựa vào sự thông minh, được vậy thì siêu việt cả thấy nghe.

Bành Thương tán thưởng:

- Đâu cần đọc Tứ khố thư mới gọi là học.

Từ đó sư vân du kết giao khắp nơi. Lúc Văn Chuẩn sắp thị tịch, Sư hỏi nên nương tựa ai, Văn Chuẩn bảo sư đến y chỉ Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần.

Sau sư đến Kinh Trữ gặp Thừa tướng Trương Vô Tận để xin bài minh trên tháp Văn Chuẩn. Vô Tận cũng là Thiền lâm cao thủ trong thiên hạ. Sư đến vẫn ung dung thong thả ứng đối với Vô Tận, Vô Tận hết lời khen sư và đặt tên am của sư là Diệu Hỷ, tự của sư là Đàm Hối. Sư về Bảo Phong lo liệu mọi sự xong, trở lại ra mắt Vô Tận và thong dong hỏi:

- Cư sĩ thấy thiền của ta thế nào?

Vô Tận đáp:

- Thiền của ông rất siêu cách.

- Tông Cảo tôi thật không dám nhận.

Vô Tận nói:

- Ông đi gặp Khắc Cần tất rõ thôi.

Sư rất cảm kích lời của Vô Tận, liền vân du đến vùng Tương, Hán. Sư gặp Thiên sư Vi ở Đại Dương. Vi ngâm trao cho sư tông chỉ của tông Tào Động, sau đó sư vân du đến Đông đô. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, Thiên sư Viên Ngộ được vua hạ chiếu thỉnh về chùa Thiên Ninh ở Kinh đô, Sư vui mừng nói:

- Thật là trời giúp ta, gặp được vị này mới mong không cô phụ sự dẫn dắt của Trạng Đường và Trương Thừa tướng.

Sư đến Thiên Ninh nghe pháp yếu, lần này thì hoàn toàn khác hẳn với những gì sư được nghe trước đây, bỗng nhiên tâm sư có chỗ nương tựa. Sư đọc Tứ cú do Viên Ngộ cử:

“Tặng hỏi Vân Môn:

- Thế nào là chỗ chư Phật xuất thân?

Vân Môn đáp:

- Đông Sơn đi trên nước. Nếu có người hỏi Thiên Ninh thế nào thì trả lời với ý rằng nguồn đạo từ phía Nam thổi qua điện các thì mát mẻ”.

Ngay đó sư hốt nhiên đại ngộ, Viên Ngộ vui mừng dẫn sư về Trạch Mộc đường, đem nhân duyên sai biệt từ xưa đến nay ngâm tới luyện thêm cho Sư.

Một hôm, Viên Ngộ đi phò trai tại nhà Cư sĩ Triệu Siêu Nhiên, Sư cũng đến dự. Bỗng nhiên Sư quên cầm đĩa, Viên Ngộ nhìn sư rồi nói với Siêu Nhiên:

- Ông này đã tham được Hoàng dương mộc thiền rồi.

Sư bị chọc liền thừa thế hỏi Viên Ngộ:

- Từng nghe trước đây Hòa thượng có hỏi Ngũ Tổ phải không? Nay còn nhớ câu trả lời chăng?

Viên Ngộ đáp:

“Ta hỏi:- “Hữu cú vô cú như dây bìm leo cây là thế nào?”

Ngũ Tổ đáp:- “Tả cũng tả chẳng thành, vẽ cũng vẽ chẳng được.”

Ta hỏi tiếp: “Khi cây đổ, bìm khô thì thế nào?”

Ngũ Tổ đáp: “Cùng nhau đến.”

Sư hoát nhiên triệt ngộ được thứ tri kiến huyền diệu, Viên Ngộ hứa khả, sai sư làm việc ghi chép sổ sách và soạn bộ Lâm Tế Chánh tông ký. Sau sư nhận pháp tịch tiếp nhận Nạp tạng. Từ đó sư dùng

phương tiện thiện xảo ứng cơ tiếp vật, cơ phong như điện chớp chẳng cho nghĩ nghĩ, tông lâm nướm nượp quy tụ về sư. Hữu thừa Lã Thuấn tâu vua, vua ban sư hiệu là Phật Nhật. Giặc cướp đến quấy phá, đòi phải cử mười danh tăng sang phía Bắc hoàng hóa, Sư cũng bị bắt đi. Đến nơi gặp được Thiên Trúc Mật Tam tạng. Ngày ngày hai người luận nghị, Mật rất kính phục sư. Sau đó sư được thả tự do, liền đi về Hồ khâu ở đất Ngô. Sư nghe Thiên sư Viên Ngộ đã dời về Vân Cư, Sư muốn đến thăm hỏi. Đi tới Kim Lăng, Sư gặp Đãi Chế Hàn Tử Thương hai bên đàm đạo, Thương rất vui bèn viết thư và nhờ sư đưa cho Khu Mật Từ Sư Xuyên. Thư viết:

“Vừa gặp được Diệu Hỷ biện tài trí tuệ vượt xa mọi người, lại có đề cập đến sự nghiệp của ông. Diệu Hỷ hết lời khen ông. Ông ấy quả là bậc Long tượng trong chúng tăng”.

Sư đến Vân Cư làm thủ tòa, chê bai Phật, Tổ biện bác vô ngại, Viên Ngộ cũng phải nể phục. Gặp thời buổi nhiễu nhương, Sư lên phía Tây Vân Cư cất am trên nền chùa Vân Môn cũ trước đây rồi lấy tên là am Vân Môn. Sư ở đây hai mươi năm rồi xuống núi vân du đến Hồ tương, qua Ngưỡng sơn bất ngờ gặp Thiên sư Trúc Am Khuê, rồi cùng Khuê về lại Vân Môn. Sư soạn hơn trăm bài tụng cổ. Sau đó sư vân du đến Thất Mân, ngụ tại một đảo nhỏ ở Hải Thượng. Sư thương xót hậu học các nơi không hiểu gì về mặc chiếu, nhân đó sư soạn Biện Tà Chánh Thuyết để giải nguy cho họ. Tuyên Nam Cấp Sự Giang Công dựng am ở Tiểu Khê rồi thỉnh sư ở. Tăng, tục tranh nhau đến đây cầu học. Chỉ không đầy nửa năm đã có mấy mươi người sáng tỏ được đại sự. Trong những người này có Đỉnh Nhu Tư Nhạc, Di Quang Đạo Khiêm, Tuân Phác Ngộ Bản v.v...

Một hôm, tham chánh Lý Hán Lão nghe sư cử công án “Cây bá trước sân” mà tỉnh ngộ, Sư rất hứa khả. Đến lúc Lý Công sắp mất, có làm bài kệ gởi cho Di Quang, trong đó có câu “Đem hết pháp lực gánh vác Vân Môn”. Lúc này sư ở ẩn, cắt tuyệt việc ứng thế. Viên Ngộ ở đất Thục nghe được liền bảo Thừa tướng Trương Đức Viễn:

- Thủ tòa Tông Cảo không ra hoàng hóa thì không thể mở mang đạo pháp Lâm Tế.

Thừa tướng liền về triều, gặp lúc pháp tịch ở Kính sơn bỏ không, ai nấy đều muốn thỉnh sư chủ trì, Sư chuyển ý đi ngay. Sư khai pháp ở phủ Lâm An, diễn xướng đạo của Viên Ngộ. Nói pháp xong, Thị lang Phùng Tế Xuyên hỏi:

- Thầy từng nói “Không làm loài sâu bọ thế này” Ngày nay vì sao

thua cuộc rồi?

Sư đáp:

- Khắp cả đại địa là Cáo thượng tòa này, ông làm sao thấy được?

Phùng Tế Xuyên không đáp. Sư ở Kính Sơn, Tăng, tục bốn phương đến cầu học đông vô kể, tăng chúng lên đến một ngàn bảy trăm người (việc sư thượng đường vấn đáp xin xem trong Đại tuệ ngữ lục) nhưng sư vẫn không hạn chế, dung nạp hết để họ tự sáng tỏ việc mình qua sự khai ngộ của Sư.

Lúc này Tăng chúng ở viện Tuệ Vân đã quên mất lời sấm ký của dị nhân Đinh Sinh mới đập tượng Thích-ca cũ đó để đúc lại tượng mới, đó là vào tháng năm năm Thiệu Hưng (Tân Dậu). Trong tháng này sư kết giao với Trương Cửu Thành soạn Phùng Dịch Biên bị đầy đi Hành châu. Sư cùng Liêu Thông Trực, Lý Dịch kết am tranh, trồng rau, do viết văn bị tội nên phải biệt chúng. Sư bảo chúng giải tán trồng thuốc, khai núi Phước y. Lúc này sư cũng nhận chúng dạy đạo, đạo tràng cũng rất đông. Trong khi xiển dương cơ duyên của Cổ Đức, Sư phân thành ba quyển tên là Chánh Pháp Nhân Tạng. Tiền tham chánh Lý Đại Phát lúc này ở tại Đạc tân, Hàn lâm Uông Ngạn Chương đi theo xa giá đến Linh Lăng đều nhiều lần gửi thư đến hỏi đạo. Vua không vui nên đầy sư đến Mai châu. Đây là đất hoang lại có bệnh dịch, thuốc men lại không đủ, hơn trăm môn đồ cũng gói gém lương thực đi theo sư. Qua sáu năm, môn đồ đã bị chết hơn một nửa, riêng sư không hề gì. Từ đó dân cư ở đây, những người được sư khai hóa họ theo tượng sư, có người cúng tế cả cơm nước.

Mùa đông năm Ất Hợi, Mông Ân về Bắc. Mùa xuân năm sau, Sư được tha cho làm Tăng lại rồi nhận chiếu của vua trụ tại núi Dục vương ở Minh châu. Năm sau lại có chiếu cho sư trụ ở Kính Sơn. Nạp tăng trong thiên hạ lại đổ dồn về sư thịnh như ngày trước. Lúc này Hiếu Tông chưa lên ngôi nhưng vốn đã nghe danh sư, liền sai Đô giám trong cung đến núi hỏi đại ý Phật pháp. Sư thượng đường nói bài kệ:

*Mở to mắt trí tuệ
Chiêu suốt cõi đại thiên
Đã làm vua trong pháp
Trong pháp được tự tại.*

Sư làm tiếp bài tụng dâng vua rằng:

*Đại căn đại khí đại sức lực
Gánh vác đại sự chẳng tâm thường
Trên đầu sợi lông thông tin tức*

Khấp cỡi ngời ngời chẳng dấu che.

Vua hết lời ngợi khen sư. Thời gian sau, Hiếu Tông lập phủ đệ, lại sai tri khách trong cung vào núi cúng dường năm trăm Tăng, thỉnh sư thuyết pháp. Vua tự tay viết tặng ba chữ Diệu Hỷ Am thật lớn và một bài tán ca ngợi sư rằng:

*Sinh diệt chẳng diệt
Thường trụ chẳng trụ
Viên giác rộng sáng
Tùy vật hiện khắp*

Sư thượng đường nói kệ:

*Mười phương pháp giới đến miệng người
Tất cả pháp giới chính là lưỡi
Chỉ nhờ miệng và đầu lưỡi này
Chúc vua trường thọ đến vô cùng
Trong ức vạn năm ban nguồn phước
Mệnh mang như biển chẳng hề khô
Sư tử trong hang sinh sư tử
Phượng hoàng vỗ cánh khởi Đan sơn
Ứng hiện điềm lành khắp chín châu
Côn trùng cây cỏ thấy hân hoan
Đảnh lễ muôn việc không lường nổi
Chẳng khác ngàn sao vây trăng ngời
Kệ tụng nhiệm mầu xata nay diễn
Là lời chân thật nghĩa thâm sâu.*

Về già, Sư vẫn gánh vác việc trong bốn tự. Mùa xuân năm Tân ty, Sư nhận chiếu lui về ở tại Minh Nguyệt đường. Nhưng việc hoàng hóa không vì tuổi già mà giảm sút. Hiếu Tông lên ngôi, ban sư hiệu là Đại Tuệ Thiên sư. Trong năm Long Hưng, trước ngày tự tứ một đêm, có một ngôi sao sa xuống phía Tây viện, ánh sáng chói lòa, phát tiếng như tiếng sấm. Sư có chút bệnh, ngày chín tháng tám môn đồ thăm hỏi, Sư khuyên họ hoàng đạo và chậm rãi dặn dò:

- Ngày mai ta mới đi.

Đến canh năm, Sư viết tấu sớ để lại, thị giả khăng khăng xin sư để kệ tụng, Sư viết bốn câu ném bút nằm xuống quy tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, môn đồ dựng tháp sư phía sau Minh Nguyệt đường.

Trong năm Thuận Hựu, Vũ Dục hiệu Nhị khanh ở Tấn Lăng từng chép lại lời của Đại Tuệ. Đại Tuệ thuyết pháp sống động ngang dọc như Tôn Ngô dụng binh, lại mêng mông sâu xa không hề lường được,

mênh mang như nước biển cả. Cá rồng hễ uống vào đều được no đủ. Nay chỉ nêu ra hai tắc nói về thấy nghe trong lúc bình sinh của Sư. Chu Văn Công thuở niên thiếu không thích đọc sách đương thời, lần nọ nhân nghe một vị tôn túc nói về thiền, chỉ thẳng tâm ông, ông liền tỏ ngộ bản tâm linh diệu ngời ngời, lúc này ông mới mười tám tuổi. Ông giao du với Bình Sơn. Bình Sơn là người thích lưu tâm trong khoa cử. Trong khi tìm tòi sách vở, Sơn chỉ gặp một bộ Đại Tuệ Ngữ lục này mà thôi. Đọc xong, năm sau Bình Sơn thi đỗ. Đó là nhờ bình sinh ông ấy vốn thâm hiểu thiền học, cốt cách siêu nhiên, vượt mọi cương tỏa, là bậc thượng căn lợi trí nhờ đó mà am hiểu hết.

Vưu Dục sớm được một người họ Phan mách bảo, nhân đó đọc bộ Ngữ lục này, đến già vẫn không dám buông sách. Sau đó ông qua trụ ở Thung Lăng. Trong năm Vĩnh Gia, Từ Cực Khanh Tuyên cũng bị đày đến đây, không bao lâu ông lại bị đời Tượng đài, ông ưu sầu than khóc. Dục trao cho ông bản Ngữ lục này, Từ Khanh đọc đi đọc lại nhiều lần, cả đêm không ngủ, hôm sau thì thanh thản lạ thường quên hết mọi sầu lo, so với hôm qua chẳng khác hai người. Từ Khanh liền tự tay sao lại một bản rồi mới trả cho Dục. Ba năm sau, Từ Khanh mất tại đây. Trước lúc lâm chung ông vẫn đi chơi với mọi người, không có bệnh, tắm rửa xong thì mất. Bộ sách nay linh nghiệm như thế, đó là điều mà chính mắt Dục thấy.

13. Thiên sư Đại Thiên Liễu Minh:

Vua hạ chiếu thỉnh Thiên sư Đại Thiên Liễu Minh ở Tường Sơn kế thế pháp tịch ở Kính Sơn. Sư họ Lục, người Tú châu, nổi pháp Thiên sư Đại Tuệ tiếp tục hoàng hóa. Hòa vương đem trang viện ruộng đất ở Cô tế cúng dường cho chúng tăng, mỗi năm thu hoạch đến hai vạn斛, lúa gạo thường trụ nhờ đó rất sung túc.

14 Thiên sư Thạch Thất Tổ Tú:

Giáp Thân: Sa-môn Tổ Tú hiệu Thạch Thất soạn xong bộ Long Hưng Phật Vận Thông Luận và cho lưu hành.

Ất Dậu: Niên hiệu Càn Đạo năm đầu.

Bính Tuất: Vua hạ chiếu thỉnh Thiên sư Linh Ẩn Đạo Xương trụ trì chùa Tịnh Từ.

Mậu Tý: Ngày tám tháng tư, vua hạ chiếu mời Thiên Trúc Nhược Nột Giảng sư chọn năm mươi vị Tăng để đưa vào Nội quán đường tác pháp Kim quang Tam-muội cầu phước cho quốc gia.

Ngày một tháng mười vua Kim hạ chiếu cho Thiền sư Khải dựng Thanh An thiền tự ở Đông Kinh, độ năm trăm Tăng, tấu nhạc trong pháp hội.

15. Thiền sư Phổ Am Ấn Túc: (Kỷ Sử)

Sư họ Dư, tên là Ấn Túc, người ở Nghi Xuân, Viên châu. Năm sáu tuổi, Sư mộng thấy một vị Tăng chỉ vào tim mình nói: “Ngày sau ông sẽ giác ngộ”. Tỉnh dậy sư kể cho mẹ nghe, và ngay chỗ tim sư vẫn còn một chấm màu đỏ sáng lớn bằng trái anh đào. Nhân đó cha mẹ sư cho sư theo Hiền Công ở Viên Thọ Long xuất gia. Năm hai mươi bảy tuổi sư được thế phát, năm sau thì thọ Cụ túc. Sư dung mạo kỳ vĩ, thông minh lanh lợi, Hiền Công rất hứa khả, khuyên sư đọc Pháp Hoa. Sư nói:

Từng nghe diệu chỉ của chư Phật cốt là liễu ngộ nơi tâm, tới lui trong văn tự là việc vô ích.

Sư từ già Hiền Công đến Hồ Tương yết kiến Đại Quy Mục Am Pháp Trung. Sư hỏi:

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Pháp Trung dựng đứng phát tử, Sư nhân đó tỏ ngộ. Sau sư về lại Thọ Nghiệp. Trong năm Thiệu Hưng có tăng tên Từ Hóa ở chùa bên cạnh thỉnh sư trụ trì chùa Vô Thường. Ngoài việc tự may vá, ngày hai bữa cháo cơm và thiền định ra sư chỉ đọc Hoa Nghiêm kinh luận. Một hôm chợt tỏ ngộ, toàn thân xuất mồ hôi. Sư vui mừng nói:

“Nay ta thân chứng cảnh giới Hoa Nghiêm rồi”.

Sư làm bài kệ tụng:

*Bóp chẳng co lại mở chẳng ra
Đâu cần Nam nhạc với Thiên Thai
Sáu căn đâu cửa không dùng đến
Nhận được Hồ tăng đến đất ta.*

Từ đó về sau, Sư nói ra điều gì, dù động tĩnh ẩn hiển đều ứng hợp tự tâm. Một hôm có tăng là Đạo Tồn đội tuyết đi đến. Sư nhìn kỹ vui mừng nói:

- Đây quả bạn không mời mà đến.

Sư mời Đạo Tồn ngồi, hai bên cùng hỏi đáp, có khi sư cười có lúc sư hét. Đạo Tồn nói:

- Thấy là người tái lai, sau này không lâu sẽ đại hưng giáo pháp.

Đạo Tồn chỉ tay ra ngoài trời tuyết, viết bài tụng để lại rồi đi. Từ đó những người mộ đạo tìm đến sư rất đông. Sư tùy cơ thuyết pháp, có lúc làm kệ trao cho họ. Gặp những người bệnh tật, Sư bứt cỏ làm thuốc

cho họ uống, họ liền khỏi ngay. Hoặc có người bị bệnh truyền nhiễm chẳng ai tới lui, Sư làm bài tụng cho họ từ đó có người giao du. Đến như những việc cầu mưa cầu nắng, đốn cây thần, phá dâm từ tất cả đều linh nghiệm. Tiếp đó sư sửa sang mới lại đạo tràng. Có người hỏi:

- Thầy tu hạnh gì mà được như vậy?

Sư vẽ vào hư không hỏi:

- Hiểu không?

Đáp:

- Không hiểu.

Sư nói:

- Trên đó chẳng cần nói.

Cơ phong của sư đại loại như vậy.

Một hôm sư cầm bút viết bài tụng trên vách phía Tây phương trưng rằng:

*Chợt mưa chợt tạnh khí tượng trong
Nam Bắc Đông Tây mây tầng tầng
Mất châu chẳng ngại người cướp được
Huyền ứng quyền cơ giúp ông yên.*

Sư dạy chúng tiếp:

- Chư Phật không rời đời cũng không có Niết-bàn, những người vào thất ta tất có thể khế chứng được việc này. Các ông phải khéo giữ gìn chớ có thoái thất.

Sư tắm rửa thay đồ rồi kiết già thị tịch. Bấy giờ là ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Càn Đạo thứ năm. Sư thọ năm mươi lăm tuổi, tăng lạp hai mươi tám hạ. Đồ chúng trà-tỳ dựng tháp cho Sư.

16. Thiên sư Khánh Thọ Giáo Hanh:

Năm này Thiên sư Khánh Thọ Giáo Hanh thị tịch, đồ chúng dựng tháp sư ở Tung sơn. Bài văn trên tháp ghi:

“Sư họ Vương, húy là Giáo Hanh, hiệu là Hư Minh, Người Nhiệm Thành, Tế châu.

Trước đây có vị Tăng là Phước An ở chùa Từ Tế, Biện Kinh ở trong núi thuộc huyện Nhiệm Thành này khoảng một năm. Phước An đi chứng trai ở thôn Mang Sơn rồi dựa vào thân cây quy tịch và báo mộng với người con gái họ Phùng. Ông ấy từ ngôi chùa ở Bành thôn cưỡi ngựa trắng đến nói:

- Ta sinh vào nhà Vương Quang Đạo ở thôn Tây Trần.

Người con gái họ Phùng này kể lại cho mẹ nghe nhưng bà và con

gái đều mộng y như vậy. Sáng hôm sau họ đến nhà Quang Đạo thì mẹ sư là Lưu thị đêm ấy mộng thấy ngài Phước An đến xin tá túc. Ngay ngày hôm đó, Sư cũng vừa chào đời. Ngón tay cái bên phải của sư cứ co chặt, mở mắt nhìn nhưng không cười. Đồng môn của ngài Phước An là Phước Quảng, Phước Kiên hay tin liền đến xem thử. Vừa đến họ nói ngay:

- An huynh không sao chứ?

Sư nhìn kỹ giây lâu rồi mở ngón tay cái ra và cười. Sư thường nằm một mình trong nhà. Bữa nọ, mẹ sư nghe có người tụng Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Bà thất kinh nhìn vào nôi thì thấy miệng sư vẫn còn nhép nhép. Khi đó bà đem quyển kinh và ly rượu thử sư thì sư liền cầm lấy quyển kinh. Từ nhỏ đến lớn, Sư không ăn mặn. Hễ thấy tăng đi ngang qua nhà là sư vui vẻ đi theo sau. Vì vậy, bấy giờ ai cũng gọi sư là Phùng Sơn Chủ, trong thôn Mang Sơn vẫn còn bài bia khắc trên đá.

Năm bảy tuổi sư xuất gia, lạy Viên Công ở viện Sùng Giác trong châu này làm thầy. Năm mười ba tuổi, Sư thọ Cụ túc. Khổ Qua Thiên sinh gặp sư, nhìn kỹ sư rồi nói:

- Đứa bé này ngày sau dẫn dắt cả vạn tăng.

Mười lăm tuổi, Sư du phương, nghe pháp tịch của Thiền sư Phổ Chiếu Bảo Công ở Trích châu rất thịnh muốn đến ra mắt. Sư đi từ Biện Lương, đêm ấy Bảo Công mộng thấy mây lành như hoa Phù cừ bằng vàng rơi lả tả xuống đất. Bảo Công nói với mọi người:

- Mười năm rồi ta không nằm mộng, đây là điềm lành gì?

Sáng sớm hôm sau, Sư đến. Chỉ có Bảo Công trong lòng rất lấy làm lạ. Sư sớm chiều tham vấn nhưng vẫn chưa có lối vào. Hôm sau, nhân có việc, Sư đi Tuy Dương phải vượt sông vào ban đêm. Lúc lên ngựa sư nhớ lại nhân duyên đánh bằng chột tỉnh ngộ nhưng nghi tình chưa tan. Lúc sắp đến bến sông, bạn đồng hành là Đức Mãn thất kinh kêu lên:

- Sư huynh! Đây là bến sông.

Sư xuống ngựa buồn vui lẫn lộn đến rơi nước mắt. Trở về sư kể lại cho Bảo Công nghe. Bảo Công nói:

Đó là người nằm cứng đờ dường như muốn cựa quậy, thế vẫn chưa được.

Rồi Bảo Công hỏi:

- Ông từng xem công án của Nhật Diện Phật chưa?

Sư cười nói:

- Lúc nhỏ đã đọc rồi.

Bảo Công cười nói:

- Ta chỉ dạy người tham thiền của các nơi cao thấp thế nào, chỉ cần tham tiếp nhất định có chỗ vào.

Một hôm, Sư lên Vân đường tĩnh tọa, chợt nghe tiếng bảng, Sư hốt nhiên thân chứng, liền trình bài tụng:

*Mặt trời, mặt trăng
Sao sa chấn động
Nếu còn hồ nghi
Bay trước mặt Tên.*

Ôi!

Bảo Công ấn khả, nói:

- Ta cứ chê ông làm không được.

Các nơi biết Sư đặc pháp liền khẩn cầu sư hoằng hóa. Sư cũng biết nhân duyên đã đến liền nhận lời thỉnh. Sư chủ trì năm đạo tràng gồm: Giới đàn ở Tung sơn, Vân Môn ở Thiều sơn, Phổ chiếu ở Trịnh châu, Đại Giác ở Lâm Khê và Pháp vương ở Tung sơn.

Tả Thừa tướng Giáp Cốc là bề tôi thanh liêm thỉnh sư trụ ở Đàm Giá trong kinh đô. Sư quy ẩn ở Khuyết Môn, sau chống tích đến Phổ chiếu thuộc Tế Xuyên. Phía sau phương trượng có rừng cây tươi tốt, trong ấy có một gốc to cao hơn một trượng, bầy quạ nối nhau đến làm tổ. Tổ của chúng tính từ trên xuống tất cả mười hai cấp chằng khác ngòi thấp. Mọi người đều chúc mừng rằng:

“Đạo pháp của Hòa thượng sắp hưng hóa chẳng!”

Không đầy mười mấy ngày sau, Sư phụng chiếu của vua trụ trì chùa Khánh Thọ. Ba năm sau, Sư lui về ở ẩn tại Khuyết Môn. Tri phủ Hà nam Quốc công Thạch Mạt Trọng Ôn thấy pháp tịch ở Thiều Lâm bỏ trống liền thỉnh sư chủ trì. Ở được ít lâu sư cũng đi. Sư qua lại vùng Tung Sơn, Thiều Lâm đến mấy năm, chợt thấy tứ đại suy nhược, liền nhập thất cắt đứt thế duyên. Đệ tử nổi pháp là Hương Sơn Giang thỉnh sư về Tây Đường, Từ Vân Hải lại xin làm thị giả. Đến ngày mười tháng bảy năm Kỷ Mão năm Hưng Định, Sư bảo đồ chúng:

- Các ông mỗi người phải nỗ lực.

Và sư cầm bút viết bài kệ, trong đó có câu cuối là “Ôi! một hai ba bốn năm sáu bảy” rồi an nhiên quy tịch, thọ bảy mươi tuổi, tăng lạp năm mươi tám hạ. Đồ chúng trà-tỳ, ngọn lửa như hoa sen lúc nở lúc khép, răng và đồng tử của sư không cháy, xá-lợi vô số. Từ nhỏ trên trán sư có viên minh châu lúc này bỗng nhiên bay đâu mất. Đồ chúng thâu xá-lợi dựng tháp phụng thờ.

Canh Dần: Nước Kim, Thế Tông Chân Nghi Hoàng hậu xuất gia làm ni, bà dựng chùa Thùy Khánh độ cả trăm ni, cúng hai trăm khoảnh ruộng.

Tây Hạ: Niên hiệu Càn Hựu năm đầu.

17. *Thiền sư Hạt Đường Tuệ Viễn:* (Tân Mão)

Ngày hai mươi tháng giêng năm Càn Hựu thứ bảy, Thiền sư Linh Ẩn Hạt Đường Tuệ Viễn phụng chiếu đến gặp vua tại điện Tuyển Đức. Sư tâu:

- Thần sinh ở My Sơn, Tây Thục, du phương đến bốn mươi năm ở núi này. Từng nghe Bệ hạ lên ngôi đến nay ngày lo muôn việc, đạo vượt ngàn xưa, hộ trì giáo pháp, chẳng khác Long, thiên, đó gọi là lấy tâm Phật trị vì thiên hạ. Thần nối pháp của Thiền sư Viên Ngộ Phật Quả.

Vua hỏi:

- Viên Ngộ là người nào?

Sư đáp:

- Đó là thầy của thần, tên là Khắc Cẩn. Đó là tên mà lúc Thái thượng Hoàng đế xa giá đến Duy Dương ban cho.

Vua hỏi:

- Ta hận ngày xưa chẳng gặp ông ấy, còn Tông Cảo là người thế nào?

- Đồng xuất thân từ pháp hội Viên Ngộ như thần.

Vua mời sư ngồi rồi hỏi tiếp:

- Làm thế nào thoát khỏi sinh tử?

- Không liễu ngộ đạo lý Đại Thừa thì không thể thoát được.

- Thế nào là liễu ngộ?

- Tánh vốn sẵn có, chỉ vì năm tháng lấp vùi nên không liễu ngộ được.

- Sau khi liễu ngộ thì thế nào?

- Ngộ rồi mới biết. Điều mà bệ hạ hỏi và điều mà thần tâu đều không phải.

- Tất cả đều không phải là thế nào?

- Thoát thể hiện tiền, rõ ràng không có mảy may tướng trạng để thấy.

Vua vui mừng. Sư tâu tiếp:

- Cổ đức nói: Không có điều phải là Bồ-đề.

Vua hỏi:

- Tức tâm tức Phật là thế nào?
- Trước mắt không có pháp, bệ hạ gọi cái gì là tâm?
- Thế nào gọi là tâm?

Sư đứng thẳng chấp tay nói:

- Như thế này này.

Vua cười, rồi chậm rãi hỏi về cơ duyên của Đức Sơn, Lâm Tế, Sư trả lời đầy đủ. Sư tâu:

- Sau khi ngộ, ngàn câu vạn câu cho đến cả đại tạng giáo chỉ là một câu.

Vua hỏi:

- Là một câu gì?
- Lời hay không nói được.
- Có thể tham “chẳng cùng muôn pháp làm bạn” được chăng?
- Lão bàng hỏi đến câu này thì chấn động trời đất, dời núi lấp biển, vượt khỏi cổ kim, thoát khỏi thị phi, lia ngôn thuyết, dứt nường tựa. Như Bệ hạ là bậc chí tôn chí quý, đại đạo vốn như vậy.

- Người đắc đạo là ai?

- Người học đạo, tùy khí lượng cạn sâu của họ mà nghiệm họ ngay nơi ý; kẻ khác đắc đạo cũng tự biết thời tiết. Người học Phật rất đông, cơ duyên cũng nhiều, chỉ sợ làm phiền bệ hạ không dám tâu hết.

Nói rồi, Sư tạ ơn vua bước xuống điện. Vua nói:

- Lần sau thầy phải đến đây luận tiếp.

Sư tâu:

- Thần xin ghi nhớ.

Ngày năm tháng giêng năm Ất Mùi, Sư quy tịch.

18. Vua soạn Nguyên Đạo Luận:

Vua soạn Nguyên Đạo luận, trong ấy ghi:

“Trẫm xem Nguyên đạo luận của Hàn Dũ, ông ấy cho rằng Phật, Lão dung hòa, Tam giáo nương nhau nhưng chưa biện ra được. Hơn nữa văn thì dài mà lý lại sâu. Luận về cách dụng tâm của Thánh nhân thì chưa rõ ràng. Vì sao vậy? Vì họ Thích chuyên nhất trong tánh mệnh, bỏ hình hài bên ngoài, chẳng đả trước danh tướng, đối với việc đời chẳng mấy quan tâm, đâu có gì giống lễ nhạc nhân nghĩa nhưng họ Thích lại lập ra giới. Đó là không sát, không dâm, không trộm, không uống rượu, không nói dối. Phàm không sát là nhân, không dâm là lễ, không trộm là nghĩa, không uống rượu là trí, không nói dối là tín. Như vậy so với Trọng Ni có gì xa đâu? Phu Tử là Thánh nhân thông dong trong đạo, bởi

vậy ai chẳng có nhân nghĩa, nhưng làm thế nào để xứng danh? Ví như trời đất vận hành âm dương xoay chuyển chẳng hề có manh mối, lẽ đâu lại có sự khác nhau như xuân, hạ, thu, đông? Đó là do Thánh nhân tạm gọi như vậy, cũng giống như sự khác nhau giữa lễ nhạc, nhân nghĩa, bởi vì lập giáo trị thế không thể không như vậy.

Từ sự tạm gọi đó, ta suy lường rồi mong cầu thì đó là đạo. Vậy đạo là cội nguồn của nhân nghĩa, lễ nhạc. Nhân nghĩa, lễ nhạc cố nhiên là cái dụng của đạo. Dương Hùng bảo rằng Lão Tử vùi dập nhân nghĩa hủy diệt lễ nhạc. Nay lần tìm trong sách của Lão Tử thì ông ấy có ba điều đáng quý đó là nhân từ, cần kiệm và không dám làm gương cho thiên hạ (khiêm nhường).

Khổng Tử nói: “Ôn hòa, lương thiện, cung kính, cần kiệm, khiêm nhường. Trong đó chỉ có nhân từ là to lớn”.

Nhân từ mà Lão Tử nói đâu không phải là cái to lớn của đức nhân đó sao. Nói không dám làm gương cho thiên hạ chẳng phải là cái to lớn của khiêm nhường đó sao. Đến như hiểu đạo rồi thì cùng ca ngợi nhau, điều đáng quý là chỗ trong sạch như một. Như vậy lẽ nào đi ngược lại Khổng Tử chẳng? Chỉ vì hậu học mê muội Tam giáo có chấp rồi chola khác.

Phàm Phật, Lão đều dứt niệm, vô vi, sửa thân, sửa tâm mà thôi. Khổng Tử dạy người trị thiên hạ so với họ không giống. Ví như đem cà bừa ra dẹt vải, đem con thoi ra cày ruộng. Môn đệ đời sau bị mê hoặc rối tung, nên đánh mất lý này.

Có người hỏi: “ Phải làm thế nào đây? Bỏ sự mê hoặc ấy ư?” Đáp rằng: Vì Phật thì tu tâm; Lão tử thì sửa thân; Nho đạo thì trị thế.

Rõ ràng là như vậy, chỉ có Thánh nhân mới có thể dung hòa với nhau. Đó là điều không thể không nói đến”.

Có lần tại điện Tuyển Đức, vua làm bài tán về Quán Âm rồi tặng cho Thượng Trúc khắc vào trong đá. Bài tán ấy ghi:

“Lớn thay Đại sĩ, vốn tự viên dung, giảng thuyết chỉ bày, dẫn dắt thế nhân, sáng chiếu không hai, mắt từ nhìn khắp, hễ cảm liền ứng, mẫu nhiệm vô cùng”.

Nhâm Thìn: Tháng giêng vua xa giá đến Linh Ấn. Ngày bảy tháng tám vua thỉnh Linh Ấn, Kính Sơn, Thiên Trúc nhóm họp ở Nội quán đường để cúng trai tăng. Vua mời Linh Ấn Tuệ Viễn vào Đông các, thỉnh sư ngồi rồi cùng luận bàn pháp yếu.

Ngày ba mươi tháng mười, vua ban Tuệ Viễn là Phật Hải Thiên sư.

Giáp Ngọ: Vua có chiếu ban cho nô tỳ trong cung hai vạn tiền, giao cho Thượng Trúc dựng Tàng điện, vua ban một tạng kinh, sai Hoàng Thái tử viết bốn chữ Pháp Luân Bảo Tạng trước Tàng điện.

Ất Mùi: Năm Thuần Hy, vua hạ chiếu ban Bạch Vân Đường ấn cho Thượng Trúc và Trục Chỉ Đường ấn cho Linh Ấn.

19. Vua hạ chiếu cho giáo tông Thiên Thai nhập tạng:

Bính Thân: Vua hạ chỉ cho Phước châu Đông Thiên tự khắc giáo bộ của Thiên Thai tông cùng Đại tạng rồi lưu hành.

Canh Tý: Nước Kim năm Đại định thứ hai mươi, tháng giêng vua ban lệnh dựng Ngưỡng Sơn Lâu Ấn Thiên tự, thỉnh Huyền Minh Khải Công khai sơn. Vua ban ruộng, mở đạo tràng độ mười ngàn tăng.

20. Pháp sư Đức Tạng Khả Quán: (Quý Mão)

Ngày mười chín tháng hai, năm Thuần Hy thứ chín, Sa-môn Khả Quán quy tịch. Sư họ Thích, tự là Nghi Ông, người Hòa Đình. Năm mười sáu tuổi sư thọ Cụ túc, theo học với ngài Nam Bình Tinh Vi. Nghe pháp hội của Trạch Khanh ở Xa Khê nổi tiếng khắp Giang Triết nên sư đến đây cầu học. Một hôm nghe chúng Tăng cử xướng Bát-nhã tịch liêu, Sư hốt nhiên ngộ nhập chẳng khác nào uống thang thuốc hạ nhiệt. Ngọc Tuệ Giác Hữu ở Hành sơn bảo sư đến đọc chỉ yếu. Đọc đến sư cảm thấy giường sắt chưa phải là khổ, biến dịch chưa phải là đổi dời. Sư than:

“Ngữ ngôn văn tự đều là trấu cám mà thôi”.

Đầu năm Kiến Viêm, sư trụ ở Gia Hòa Thọ Thánh, sau qua Đông Hồ Đức Tạng trụ ở Duyệt Thế đường bổ chú kinh Lăng-nghiêm. Kế đó sư dời qua Tường Phù, ở được hai năm. Vì bệnh nên sư lui về lại Nam Lâm, Đàng Hồ. Đạo phong của sư cao vời không ai lường nổi. Sư thường nói:

“Gió qua rừng tùng, trăng trên đỉnh núi là y bát vô tận của ta”.

Năm Càn Đạo thứ bảy, Thừa tướng Ngụy Kỷ ra trấn thủ Cô Tô thỉnh sư trụ trì Bắc Thiên.

Ngày chín, Sư vào pháp tịch, chỉ lên tòa nói:

*Tác tâm trong ngực tro đã lạnh
Ngàn việc trên đầu tuyết chưa tan
Già cả chỉ nên an nhàn bước Việc
gì phải leo tuốt trên cao.*

Ngụy Công hết lời thán phục sư. Năm Thuần Hy thứ bảy, Hoàng tử Ngụy Vương làm Châu Mục Tứ Minh, dựng Nguyệt đường, gửi thư

tiến cử, thỉnh sư trụ trì Diên Khánh. Lúc này sư đã tám mươi chín tuổi. Đi đến nơi thì nghe Vương mất. Sư được thỉnh đến Thiên Trúc, Sư nói:
- Ý chỉ của vua còn đó, không lẽ lại chối từ.

Thế rồi sư đến Nam Hồ, tăng chúng thấy hành lý của sư vô cùng giản dị, ai nấy đều thán phục. Không đầy hai năm, Sư về lại Trúc am, Đàng hồ. Sau, Sư không bệnh mà quy tịch, thọ chín mươi một tuổi. Đại Tuệ tịch trước sư hai mươi năm.

21. Vua chú giải kinh Viên Giác ban tặng Kính Sơn:

Quý Mão: Vua chú giải kinh Viên Giác. Tháng hai sai Trung sứ đem tặng cho Bảo Ấn trụ trì Kính Sơn khắc bản lưu hành.

Giáp Thìn: Nước Kim, tháng hai năm Đại định thứ hai mươi bốn, Đại Trường Công chúa cúng ba trăm vạn đồng dựng chùa Hạo Thiên. Lại cúng một trăm khoảnh ruộng, mỗi năm độ mười tám Tăng ni.

22. Vua Tống sai Vũ Văn Hư Trung đi sứ nước Kim:

Vua Tống sai Trí sĩ Hoàng môn thị lang Vũ Văn Hư Trung biệt hiệu là Long Khê Cư sĩ phụng chiếu đi sứ nước Kim. Vua hạ chỉ cho Lưu Sĩ Hàn Lâm nhận chiếu rồi cùng ông nghị luận. Ông dẫn giải sách Nho minh chứng lý Phật. Vua Kim tặng ông nhiều vàng lụa, ông nhận rồi ban phát cho người nghèo. Trước đây khi chưa có Thiệu Dực, nghi lễ của Kim triều do ông định chế ra. Ông thọ một trăm lẻ tám tuổi, về già không có bệnh, ngồi kiết già làm thi phú ngâm nga rồi mất.

Bài thơ ấy rằng:

*Bỏ nước ra đi ngàn ấy năm
Công tư toàn vẹn đều hân nhiên
Đương thời luận nghị không ai thắng
Bây giờ việc lớn lại có duyên
Muôn việc đã lo từ đời trước
Công danh để lại người trí truyền
Một mình chẳng bận đi hay đến
Tin chắc trong lòng có cõi riêng.*

23. Quang Tông: (Canh Tuất)

Quang Tông tên là Đôn, con thứ năm của Hiếu Tông, nhận ngôi ở Trần cung, tôn Hiếu Tông làm Thọ Hoàng, thọ bốn mươi bốn tuổi, trị vì năm năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiệu Hy.

Nước Kim: Chương Tông lên ngôi. Chương Tông tên là Cảnh, con

của Hiến Tông Duẩn Cung. Duẩn Cung chưa lên ngôi thì mất. Đế mới đưa Hoàng Thái Tôn lên ngôi. Ông đam mê tửu sắc nghiệp lớn của Đại Kim lụi tàn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Minh Xương.

Tân Hợi: Đại triều Thái Tổ Thành Cát Tư Hoàng đế khởi binh.

24. Vương Hiếu Lễ nói về Ảnh Biểu Đồng Biểu:

Quý Sửu: Tháng mười hai năm này, Bố Y Vương Hiếu Lễ nói:

“Đồng chí năm nay ảnh biểu sẽ ở vào ngày mười chín, còn Nguyên Lịch là ngày hai mươi, như vậy chậm hơn một ngày, xin đem đồng biểu mà ta đang sử dụng sửa lại rồi giao cho Thái sử Cự chiếu theo đó mà làm theo”.

Nước Kim: Năm Minh Xương thứ tư, vua hạ chiếu thỉnh Trưởng lão Vạn Tùng thăng tòa thuyết giảng trong cấm thành. Vua đích thân đón tiếp. Được nghe những lời diệu pháp chưa từng nghe. Vua tỏ ngộ cảm kích vô cùng tự tay dâng cúng lụa là, đại tăng Kỳ Chi đến dưới tòa tiếp nhận. Hậu phi, vương tôn đều quỳ quanh dưới tòa, ai nấy đều đem những phẩm vật giá trị nhất của mình dâng cúng, lập hội thí lớn xưa chưa từng có. Cả ngày hôm đó mây lành giăng kín bầu trời. Năm đó muôn dân no đủ, ca hát vang trời. Hàng năm cứ mỗi lần mở hội cúng thí đều có điềm lành xuất hiện. Chương Tông xa giá đến Ngưỡng Sơn đất Yên, ngự bút làm thơ trong đó có câu:

Trong cõi sắc vàng hiện Đâu suất

Giữa đóa sen xanh hiện Phạm cung.

(Tháng mười, ông giết Doãn Đạo con thứ sáu của Thế Tông).

Giáp Dần: Tống Quang Tông nhường ngôi cho Thái tử, đó là Ninh Tông.

Nước Kim: Con của Doãn Đạo là Ái Vương Đại Biện. Tháng giêng năm này, cử binh Ngũ Quốc Thành làm phản, phải cầu viện binh của đại tiriều. Quân Kim nhiều lần thất bại, nước Kim bắt đầu diệt vong.

25. Thiên sư Ngạn Sung ở Tịnh từ:

Thiên sư Ngạn Sung ở Khảng Đường Tịnh Từ, nối pháp Đông Lâm Vạn Am Ngạn Công. Sư họ Thạnh, người ở Ô Tiềm.

Thiên sư Ngọa Long Pháp Am Tổ Tiên ở Quỳ Phủ. Sư họ Vương, quê ở Quảng An.

Thiên sư Si Tuyệt Đạo Xung ở Kính Sơn. Sư họ Tuân, quê ở Trường Giang, Vũ Tín.

26. Ninh Tông:

Ninh Tông tên là Khoáng, con trưởng của Quang Tông. Ban đầu ông được phong làm Gia vương. Hiếu Tông mất. Quang lại bệnh nặng, Tri khu mật viện sự Triệu Nhĩ Ngu ngầm mở một cuộc họp nhằm lựa người nối ngôi. Tri Hiến Thái Hoàng thái hậu rất lo cho vận mệnh xã tắc. Thái hậu nói rõ việc này nhưng chưa tìm người cho xứng đáng. Bấy giờ Tri Các môn sự Hàn Sát Trụ vốn là tăng tôn của Kỳ, con của em gái Thái Hoàng thái hậu, Trụ nhân đó tâu rằng, Thái hoàng buông rèm thính chính, suy cử Gia Vương về cung lên ngôi. Gia Vương lên ngôi đổi niên hiệu là Khánh Nguyên.

Mồng một tháng ba năm đó có nhật thực, cầu vồng xuyên ngang mặt trời, sau đó thì mưa.

Bính Thìn: Kim đổi niên hiệu Thừa An. Ngày hai mươi ba tháng mười một đại xá thiên hạ, độ một ngàn tăng.

Đinh Tỵ: Nước Kim đại hạn, giặc cướp nổi lên ở Sơn Đông. Vua hạ chiếu thỉnh Vạn Tùng trụ trì Ngưỡng Sơn. Sư thăng tòa nói kệ:

*Riêng dựng Liên cung, sửa Phạm cung
Cảnh Thánh huy hoàng, Thánh đạo chơi
Mưa nhiều nước lớn chim trôi nổi
Mây tan núi lặng cảnh sáng ngời
Thành Thang khôi phục nên nghiệp lớn
Lã Vọng buông câu dưới trăng ngời
Thử hỏi cảnh quang hay thời tiết
Cõi nước vàng ròng hoa quế rơi.*

Canh Thân: Ái Vương hợp với Đại binh vây hãm Thượng đô nước Kim, bao vây Hòa long.

Tân Dậu: Tống đổi niên hiệu Gia Thái. Kim đổi niên hiệu Thái Hòa. Gia Luật Đức Thọ làm phản bị đánh thua chạy.

27. Thiên sư Linh Ẩn Sùng Nhạc:

Nhâm Tuất: Thiên sư Linh Ẩn Tùng Nguyên thị tịch. Sư họ Ngô, tên Sùng Nhạc, người Long Tuyên, Xứ châu. Từ nhỏ, Sư đã tỏ ra phi phàm xuất chúng, sống chung với bọn trẻ nhưng không hề đùa nghịch. Lớn lên nghe được pháp xuất thế sư rất mến mộ. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến chùa Đại Minh thọ Ngũ giới và ở lại đây công quả quét tháp. Ban đầu sư đến yết kiến Linh Thạch Diệu Công, kế đó qua Kính sơn yết kiến Thiên sư Đại Tuệ Tông Cảo. Được thời gian, một hôm Đại Tuệ thượng đường khen ngợi Ứng Am Đàm Hoa ở Tượng Sơn là người lanh

lợi. Sư nghe vậy liền đến Tưởng Sơn ngay trong đêm ấy. Sư đến, vào thất thưa hỏi nhưng không khế ngộ. Sư lui ra càng tự khuyến tấn mình hơn. Cả đêm đó, Sư tham công án “Con chó không có Phật tánh” hoát nhiên có sở đắc. Sư liền vào thất Ứng Am, Ứng Am cử “Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng giấu che”.

Sư nói:

- Ông Hòa thượng độn trí!

Ứng Am liền hét một tiếng. Từ đó sư cứ ngày đêm thưa hỏi. Ứng Am rất vui, cho sư là bậc pháp khí. Ứng Am thuyết kệ khuyến tấn mong sư sẽ là bậc rường cột trong đạo pháp.

Năm Long Hưng thứ hai, Sư mới được độ làm tăng tại tinh xá Bạch Liên thuộc Tây Hồ, Lâm An. Từ đó, Sư tham vấn khắp chư lão túc ở Triết giang nhưng vẫn chưa hợp ý. Sư vượt biển đặt chân đến Môn Trung, yết kiến Mộc Am Vĩnh Công ở Càn Nguyên. Một hôm sư già từ Mộc Am. Am cử:

- Hữu cú vô cú như bìm leo cây.

Sư nói:

- Xé nát.

Mộc Am nói:

- Lang Da nói: “Hay! Một đồng củi mục”.

- Trên mũi tên lại thêm mũi nhọn.

Cứ thế hai người ứng đối nhiều lần. Mộc Am nói:

- Anh của ta buông lời, lão tăng không vượt qua được, nếu chưa được thì ngày sau nắm quyền trong tay, giúp người không được, nghiệm người cũng không xong.

Sư nói:

- Giúp người thì làm cho Bát địa phàm phu vào thẳng cảnh thánh đương nhiên là khó. Còn như nghiệm người thì cứ nhắm trước mặt gã mà đánh chẳng chờ gã mở miệng để biết được gân cốt của gã, thì có gì khó đâu.

Mộc Am đưa cánh tay lên nói:

- Ta nói rõ cho ông biết mở miệng không phải trên đầu lưỡi. Ngày sau ông sẽ tự biết.

Năm sau sư đến Tây Sơn, Cù châu yết kiến Mật Am, hỏi đầu đáp đó. Mật Am mỉm cười nói:

- Hoàng dương thiền.

Sư bám vào câu nói rõ ràng này đến quên ăn bỏ ngủ. Mật Am dời qua Tưởng Sơn, Hoa Tạng Kính Sơn đều đi theo. Nhân lúc Mật Am

đang ở trong thất hồi vị Tăng bên cạnh: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Sư đứng hầu bên cạnh bỗng hoá nhiên đại ngộ và nói:

- Ngày nay mới hiểu được Mộc Am nói “mở miệng không phải trên đầu lưỡi”.

Từ đó cơ phong biện bác của sư ngang dọc chớp nhoáng, không ai đỡ kịp. Mật Am lại dời về Linh Ẩn nên bảo sư làm thủ tòa. Sư về hoàng hóa tại Trường Chiếu, phủ Bình Giang, nối pháp Thiền sư Mật Am. Sau đó sư dời qua các pháp tịch như Quang Hiếu ở Giang châu, Dã Phụ ở Vô vi, Tiến Phước ở Nhiêu châu, Hương Sơn ở Minh châu, Hồ khâu ở Bình Giang.

Năm Khánh Nguyên thứ ba, pháp tịch ở Linh Ẩn bỏ không có chiếu thỉnh sư đến chủ trì. Sư ở đây sáu năm, đạo pháp hưng hóa, người đắc pháp rất đông nhưng sư lại có chí đi đây đó, vì vậy sư dâng biểu xin nghỉ trụ trì. Vua xem kỹ biết Sư thành khẩn nên đồng ý. Sư lui về ở ẩn tạo Đông am. Sư có chút bệnh nhưng vẫn duy trì việc hoàng hóa. Một hôm, bỗng nhiên sư viết thư từ biệt chư công khanh, để lại hai tấc nhằm nghiệm người. Đó là “Người có sức mạnh do nâng nặng nên nhắc chân không nổi” và “Mở miệng không phải trên đầu lưỡi”. Sau đó sư gửi thư giao phó mọi việc lại cho Quang Lục ở Hương sơn, Thiện Khai ở Vân Cư. Phó chúc đại pháp xong. Sư viết kệ:

*Đến chẳng nơi đến
Đi chẳng nơi đi
Chuyển gáp cửa huyền
Tổ Phật chẳng mất.*

Sư kiết già quy tịch nhằm ngày bốn tháng tám năm Gia Thái thứ hai, thọ bảy mươi một tuổi, táng lập bốn mươi hạ. Đồ chúng dựng tháp sư ở phía Bắc đầu ngọn Cao Phong.

Quý Hợi: Gia thái thứ ba, nước Kim lúc bảy giờ mới yên, lấy hiệu Tổ Đức vương thừa tiếp nhà Tống, bởi vì không kể nước Liêu.

28. Thiền sư Phật Chiếu Đức Quang: (Quý Hợi)

Sư họ Bàn, húy Đức Quang, người Tân Dụ, Lâm Giang. Cha sư là Thuật, mẹ là Viên. Đêm nọ mộng thấy dị tăng vào nhà, bà thất kinh tỉnh giấc từ đó mang thai. Lúc ra đời, ông nội sư nói:

“Nhà ta nhiều đời tích đức mới sinh đứa trẻ này, sau tất làm rạng rỡ tổ tông”.

Nhân đó mới đặt tên sư là Đức Quang. Năm chín tuổi, giặc cướp

quấy phá sư phải trốn đến chùa Nhất Bình ở Viên châu. Tại đây có Đại sư Diệu Ứng Bá Hoa coi tướng rất giỏi, ông nói:

- Thầy bé này có đánh tướng cao, xuất gia tất làm rường cột trong đạo pháp.

Năm mười tuổi, Sư mồ côi cả cha lẫn mẹ. Bá phụ là Tuần Bá mẫu là Vạn nuôi dạy sư. Năm hai mươi một tuổi, Sư nghe người ta tụng kinh Kim Cang hốt nhiên thông hiểu. Liên về xin Bá mẫu:

- Vừa rồi nghe tụng kinh, thân tâm hoan hỷ, muôn việc ở thế gian đều là như mộng huyễn.

Sư cố sức xin xuất gia, gia tộc không cản nổi sư. Sư bán hết của cải gia sản, lấy đủ tiền sắm vật dụng độ điệp, còn bao nhiêu giao hết cho gia tộc và theo Đại sư Túc Am ở Quang Hóa thiền viện xuất gia thế phát. Túc Am dẫn sư vào Mân Trung, ngụ ở Tây Thiên, Phước châu và nói với sư:

- Lần đi này chính là vì tìm chỗ nương tựa cho ông. Nguyệt Am Thiện Quả ở Đông Thiên là người có sở đắc, ông nên nương tựa với ông ấy, như vậy là báo đáp ta rồi.

Vừa gặp, Nguyệt Am hỏi ngay:

Chẳng rơi trong có không

Làm sao bày tin tức?

Sư đáp:

Chẳng rơi trong có không

Rõ ràng bày tin tức.

- Là tin tức gì?

Sư liền hét. Nguyệt Am nói:

- Chưa được, hãy nói lại.

Sư nói:

- Miệng con ngậm đầy cơm.

Nguyệt Am liền bảo sư nhập chúng. Lúc này hầu hết các bậc lão túc đều ở Mân Trung, như Phật Trạm Diệu Tâm Viên Giác là người mà tông lâm trọng vọng. Sư tham vấn khắp năm mươi Thiện tri thức, cuối cùng đến Dục Vương yết kiến Thiên sư Đại Tuệ. Đại Tuệ cử:

- Gọi là cái nang tre thì phạm, không gọi là cái nang tre thì trái, không được nhằm lời này thừa đương, không được nhằm trong ý so đo. Nói! Nói mau!

Sư đáp:

- Trưởng lão chỉ cho như hạt ma, hạt thóc.

Đại Tuệ đáp:

- Ông là người thứ mấy?

Sư đáp:

- Hôm nay kẻ thua trận bị bắt là giặc.

Năm sau, trong ngày Phật Niết-bàn, Sư đang đánh lễ, chợt nghĩ: “Pháp thân Phật thường trụ làm gì có sinh diệt?” Khi đầu chưa chạm đất thì sư hốt nhiên khế ngộ. Sư trình Đại Tuệ. Tuệ nói:

- Ông triệt ngộ rồi!

Đại Tuệ lại chủ trì Kính Sơn, có dẫn sư đến đây tùng hạ. Sư đến Tường Sơn thăm Ứng Am. Ứng Am hết lời khen ngợi sư và nói:

- Anh Quang hơn ta một cái đầu.

Ứng Am gửi thư cho Thị lang Lý Hạo nói:

“Đức Quang vừa mới được sư thúc Kính sơn ấn khả như hổ mọc thêm cánh”.

Sư ở đây hơn một tháng rồi quay về. Đại Tuệ nói kệ phó pháp cho sư rằng:

Có đức tất phát sáng

Ánh sáng không gián đoạn

Danh và thật xứng hợp

Chẳng xanh vàng đỏ trắng.

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Càn Đạo, Thị lang Lý Hạo được bổ đến Thiên Thai. Hạo và sư cùng luận đạo rất tương hợp và thỉnh sư trụ trì Hồng Phước. Sau đó sư dời về Thiên Ninh trong quận này. Học chúng đến quy tụ rất đông. Năm Thuần Hy thứ ba, vua thỉnh sư trụ trì chùa Linh Ẩn, sai Trung sứ đến dâng hương trong ngày khai đường, đủ thấy vua rất sủng ái sư. Mùa đông năm đó, vua thỉnh sư vào điện hỏi về đại ý Phật pháp, sư ứng đối vanh vách, vua rất hoan hỷ giữ sư lại Quán đường trong thành nội năm ngày, ban cho sư hai bài tụng và hiệu Phật Chiếu Thiền sư.

Vua hỏi:

- Thế Tôn vào núi tu hành sáu năm thì thành tựu, sự thành tựu ấy là việc gì?

Sư đáp:

- E rằng bệ hạ quên rồi!

Mùa đông năm thứ tư, vua hỏi sư về pháp giới của Hoa Nghiêm, Sư đáp ngắn gọn, vua vui mừng tự tay dọn dẹp thư phòng, đồng thời tán dương, khích lệ sư. Sư nhân đó viết và dâng vua bài Tông Môn Trực chỉ. Năm thứ bảy, pháp tịch ở Dục Vương bỏ không, Lộ Chương cũng cáo lão, sư được thỉnh về trụ trì. Vua lại hỏi sư về Tứ bệnh trong Viên giác.

Mùa đông lại thỉnh sư vào điện lần nữa.

Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu, Hiếu Tông ngự ở cung Trùng Hoa mời sư đến luận đạo cả ngày. Năm thứ tư, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì Kính sơn. Sư dâng biểu từ chối. Hiếu Tông nói:

- Là muốn thầy gặp ngay quận tướng thôi!

Vua cố thỉnh, Sư không nỡ từ chối. Tháng hai, vua mời sư vào cung Trùng Hoa, hai lần sư ứng cơ đối đáp, khiến vua đều rất hoan hỷ.

Mùa xuân, niên hiệu Khánh Nguyên năm đầu, Sư cáo lão về núi đến hai, ba lần vua đành phải đồng ý. Sư trụ ở Quán đường, vua thường xa giá đến thăm, ban cho sư một cỗ xe nhỏ, hơn hai mươi thị vệ. Mỗi lần vua đến thường cùng ngồi trên chiếu, hoặc cùng đứng, cùng đi với sư rất thân mật vui vẻ. Những ngự trát vua ban cho đều được khắc bằng ngọc. Những lời đối đáp với vua đều được ghi lại đầy đủ và được hạ chiếu khắc bản lưu hành. Mỗi lần vua cho mời đến đối đáp đều ban thưởng cho sư rất hậu, nào là vàng ngọc châu báu cùng những vật dụng tơ lụa khác có đến hơn ba vạn tiền, Sư khấu đầu ra sức chối từ, vua càng thúc ép. Những thứ đó sư nhận về chùa nhưng không dùng bữa bái.

Hồi ấy Tư Lăng đến Cối Kê, vua có lệnh cho chùa được chứa của cải. Sư nghĩ tài sản ở Dục Vương rất ít, không đủ chu cấp cúng tăng. Sư bèn đem tất cả của cải mà vua ban cùng những vật báu do vương tôn trưởng giả cúng dường ra mua ruộng. Từ đó mỗi năm thu hoạch đến năm ngàn斛 thóc. Quốc sử Lục Du ghi lại việc này. Sư tự cất am ở, lấy tên là Đông am. Sư nhập thất tự vui, tiếp người không chán, lúc nào cũng cho người vào thất thưa hỏi.

Tháng ba năm Quý Hợi niên hiệu Gia Thái, Sư nói với đồ chúng:

- Thế duyên của ta sắp hết.

Đến ngày mười, Sư hỏi tả hữu:

- Hôm nay gần tới giữa tháng phải không?

Chúng đáp:

- Đúng vậy!

Hai ngày sau, Sư viết thư để lại cho hai mươi người thâm giao lúc bình sinh. Sáng sớm, Sư nhóm chúng từ biệt, toàn nói đến những yếu chỉ của pháp môn, không hề có nửa lời bàn việc khác. Sư tắm rửa thay áo, rồi viết:

“Tám mươi ba năm tội đầy trời”. Sau cùng sư ân cần tận tình khuyến tấn môn đồ và kiệt già thị tịch, tăng lạp sáu mươi hạ. Môn nhân dựng tháp sư phía sau am. Chúng Tăng xin vua ban thụy, vua ban cho sư thụy là Phổ Tuệ Tông Giác Đại Thiên sư, tháp hiệu Viên Chiếu.

29. Bài ký nói về Tử Vi Quán:

Giáp Tý: Năm Gia Thái thứ tư, Kim Quốc Học sĩ Nguyên Di Sơn dụ soạn bài ký về Tử Vi quán. Trong ấy ghi:

“Thái phu nhân của Đông Bình tá phó Nguyên soái Triệu Hưu đã già, bà xuất gia làm Toàn Chân Sư. Sư quê ở Vận châu. Phổ Tuệ Đại sư Trương Chí Cương ở tại am Động Thanh thuộc Quan thị. Lúc đầu am này rất chật hẹp, mới xin Khâu tôn sư đổi tên là Tử Vi quán. Triệu Hưu bèn dựng điện các, lập điện đường, trai đường, nhà trù, nhà kho trông rất hoàn bị để phụng dưỡng người thân của mình ở đây. Tháng chín năm Quý Tỵ tổ chức khánh thành, mời tôi ghi lại việc này. Tôi ghi:

“Quân tử ở ẩn và kẻ học đạo ngày xưa hầu hết đều ở núi rừng, ăn rau cỏ, uống nước khe, đến nổi khô cả cổ, vàng cả mặt, thông dong ngoài trần thế, như những cao nhân ở Bồi ông, Hà thượng. Đời sau có kẻ dựa thế Hoàng Lão xếp mình vào hàng tiên. Từ Đào Ẩn Cư, Khấu Khiêm Chi đến nay phong tục này vẫn còn tồn tại. Đồ Quang Đình ở đất Thục, vì Chu Linh Vương Thái tử Tấn làm vương mà lập ra thỉ tổ, đó là nối gót theo việc xưa mở ra một kỷ nguyên mới, tiến cử danh hiệu Sùng Ngọc Thần Quân kết hợp với danh hiệu Hồn Nguyên Thượng Đức, đặt ra phẩm cấp, lập ra quy tắc gọi đó là quan phủ của thần tiên. Hoang đường khoác lác thật không nói hết. Trong hai, ba trăm năm mãi đến cuối năm Tuyên Chánh thì cái tệ này còn hơn cả bọn Hoàng Quan. Quan lại cấp cho họ tín lệnh, trong đó có chức Tán lang và Đại phu, theo cấp bậc mà nhận bổng lộc chẳng khác chùa tịnh. Phàm những điều cảnh tỉnh trong cõi âm, những điều mở mang cho phước về sau thì phải nhìn những gì mà Sa-môn đã có trước, rồi theo đó mà nêu ra. Ban đầu muốn cho cao nhưng cuối cùng bị cái cao ấy đè bẹp, ban đầu muốn làm quái lạ nhưng rốt cuộc bị cái quái lạ ấy nhận chìm. Đồ chúng của họ những người hiểu rộng hiểu nhiều cũng chán ngán bỏ đi. Bởi vậy những người tự vượt thoát thế gian chỉ còn gặp được một, hai người.

Từ năm Trinh Nguyên, Chánh Long đến nay lại có phái Toàn chân giáo, người Hàm Dương là Vương Trung Phu chủ xướng, họ Đàm, Mã, Khâu, Lưu phụ họa theo. Giáo này lấy thuyết nhân tĩnh làm nền tảng, không có kiểu cầu cúng giả dối như Hoàng Quang, theo thuyết tham thiền mà không có cái khổ gò bó như Đầu đà, họ cày ruộng đào giếng, tự nuôi sống mình, nếu dư dật thì đem cho người khác. Thấy thế gian nhiều nương thì bưng tỉnh ngay. Bởi vậy những người dân quê chất phác hồ hởi làm theo. Nam đến Tế Hoài, Bắc đến Sóc Mạc, Tây kéo đến Tần, Đông kéo tới biển. Từ núi rừng đến thành thị nhà nhà nổi

nhau, cứ trăm nhà thành một ngãu, người truyền kể nhận không thể nào gián đoạn. Hoàng thượng cũng từng sợ xảy ra có sự biến loạn như bọn Trương Giác, Đẩu Mễ nên từng hạ lệnh cấm đoán. Đương thời văn võ bá quan có những người đứng ra chủ trương khôi phục trở lại, từ suy vi lại thịnh vượng như xưa.

Trong sáu bảy mươi năm lại đây vẫn không hề thay đổi. Sau lần biến loạn trong năm Trình Hựu, không còn chút kỷ cương văn chương, người dân ngây ngô chất phác không còn nơi quy hướng. Nếu luận về giáo thì chỉ còn Toàn Chân mà thôi. Người ở Hà sóc ngày nay bao lần bị trầm luân, không còn được thực hành đạo nhân tĩn, không còn được tu thiền định, trong số Sa-môn cũng có người chịu cảnh như vậy.

Cuối năm Tuyên Chánh, những việc chán ngán rồi bỏ ra đi không còn nữa hướng gì là những người dựa vào Hoàng Lão xếp mình trong hàng tiên lễ đâu lại còn sao.

Than ôi! Đạo của Đế vương sáng suốt trước đây, nền chánh trị hưng bang chỉ trong một ngày đã bị tiêu sạch. Còn như giáo này đã làm gì khiến người ta kính trọng phụng thờ? Lễ đâu ngay trong lúc tranh giành cướp đoạt, trời đã đem đạo sáng suốt này lập giáo dùng những kẻ có tâm tranh danh đoạt lợi chẳng? Vui dập tam cương ngũ thường sắp bị mai một, điên đảo thác loạn, người và vật đều chỉ là một? Nếu không như vậy thì thịnh suy dài ngắn lẽ đâu tồn tại trong thời gian đó, mà cũng khó nói cho kỳ hết.

Hầu tên là Thiên Tích tự là Thọ Chi, là người sùng Nho trọng đạo, vượt ngoài thiên tích. Tuy ở trong quân trận nhưng lúc nào cũng đọc văn xem sử. Ông từng cùng Phụng Thiên Dương Hoán Nhiên đọc Tô lai thạch quân ngôn giám. Còn như luận về Thích, Lão thì khảng khái nói năng quyết không uốn mình theo phong tục. Xem tác phẩm ông ấy, đủ thấy ông hàm dưỡng chí khí mình đến mức nào”.

30. Minh Đạo Tập Thuyết của Cư sĩ Lý Bình Sơn:

Năm hai mươi chín tuổi, ông viết Phục tánh luận. Xem Phục tánh luận thì biết năm hai mươi chín tuổi ông đến tham vấn Thiền sư Dược Sơn rồi lui về viết sách. Ông vô cùng cảm thán, ngày nọ đến ra mắt sư Vạn Tùng bị một phen khích lệ, nhân đó ông quay về viết sách. Ông gom tập diệu lý sâu xa của ba Thánh nhân, cuối cùng kết quy về Phật, Tổ. Đạo học ở Giang tả được hưng hóa ở Y Xuyên, Côn Quý, có đến hơn mười nhà phụ xướng theo. Trong đó một, hai người am hiểu tinh tường về giáo lý của Phật, Lão rồi viết Minh Đạo Tập. Ăn trái dâu trong

vườn ta chứ chẳng gặp lời hay, người trộm hương thơm từ những lời thánh triết, hỗ trợ phát huy cho thế điển, trang sức những lời không căn cứ rồi cho đó là Ngũ lục; xem thiên, tuệ như sự kính thành, hủy báng Thánh nhân làm mờ mắt điếc tai người học. Ôi! Dựa vào hư khí, cậy vào tình riêng, vừa khen vừa chê, vừa lấy vừa bỏ, còn như hậu học trong thiên hạ thì thế nào? Bình Sơn thương xót bọn họ nên viết Minh Đạo Tập Thuyết, nhằm mở mang thấy nghe của muôn đời, sửa thẳng tánh mệnh cho thiên hạ. Trương Vô Tận nói: “Đại Khổng Thánh thì không ai bằng Trang Chu”.

Bình Sơn mở mang rộng ra, mệnh mang vô bờ lẽ đâu không phải ngược lại với danh giáo? Ông ấy phát huy cái đạo sâu mầu mà Khổng thánh chưa nêu, nhờ nấc thảng ấy mà rông lao đi vùn vụt đến chỗ của Phật ta. Trong năm thừa giáo mà ông ấy nói đến thì Tục đế của nhân thiên thừa làm nền tảng. Trương Vô Tận lại nói: “Tiểu Khổng Thánh thì không ai hơn Khổng An Quốc”.

Chỉ rõ cái đạo của Nho gia rồi tự chê bỏ, phụ thêm những điều cốt lõi của Hàn, Âu. Nếu tính ra thì có tôn Khổng Thánh và Thích, Lão ngang bằng như ông? Những bậc tông tượng ở các nơi đều coi ông ấy là thượng khách. Chỉ rõ cái đạo của Nho gia rồi thẳng thắn luận bàn mà chẳng hề kiêng nể, bàn ngay chỉ thẳng không phải là vượt trội đó sao. Tôi thẹn vì diệu nghĩa của tông môn đường thất bao đời nên khẩn thiết đứng ra bảo chứng, quyết không phải là hạ thành kính một cách mù mờ. Như bảo rằng không phải, thì báo đáp chỉ là có danh mà không có thực.

Lúc sắp mệnh chung, Bình Sơn giao bộ sách này cho Kính Đỉnh Thần và dặn:

“Đây là tác phẩm sau cùng do ta viết, ông hãy cất kỹ, sẽ có người biết đọc đến nó”.

Đỉnh Thần nghe tôi rất cần mua sách của Bình Sơn ông ấy không ngại vượt đường xa hơn ba ngàn dặm đến đất Yên dâng sách này cho Lão Sự Vạn Tùng để chuyển đến cho tôi. Tôi xem xong cảm động khóc đến mấy ngày. Xưa tôi từng gặp Minh Đạo tập nhưng rất bất bình, muốn phản bác những sai lầm trong sách ấy nhưng chưa rảnh để làm, không ngờ Bình Sơn đã làm việc ấy trước tôi. Tôi bèn viết bài tựa đầu sách nhằm chữa cái bệnh mờ mắt cho thư sinh ở Giang tả, mà Sĩ đại phu ở Trung nguyên nếu có ai bị bệnh này cũng có thuốc để chữa.

Ngày mười lăm, mùa đông năm Giáp Ngọ, thư sinh Trạam Nhiên Cư sĩ Di thứ Sở Tài tấn Khanh viết bài tựa.

Vu Tẩu (Tư Mã Quang) nói:

“Có người hỏi: “Thích, Lão có thủ không, “Đáp có”Hỏi: “ Thủ cái gì?”Họ Thích thủ cái không. Họ Lão thủ cái vô vi tự nhiên. Xả là không thủ, không thủ là cái tâm không háms lợi. Vô vi tự nhiên là thủ chỗ y cứ.”

Bình Sơn nói:

“Họ Thích nói đến không, bất không; họ Lão nói vô vi, vô bất vi, đó là lý tự nhiên không thể thủ, xả”.

Bởi vậy Trang tử nói:Không ích lợi hay tổn giảm đến cái thật của nó”. Bất-nhã thì nói:“Chẳng tăng chẳng giảm”.

Ông ấy đem cái tâm niệm yêu ghét, khởi cái thấy thị phi, lẽ đâu là người học theo đạo của Thích, Lão ư? Thủ cái tâm không háms lợi tức là đã háms lợi, thủ chỗ y cứ tức là hữu vi. Đó chẳng phải tự nhiên.

Hoàng Cừ (Tử Hậu) nói:“Nhà Phật đều cho rằng sống chết vẫn xoay, không đắc đạo thì không thoát khỏi và gọi đó là ngộ đạo. Từ khi thuyết này truyền mạnh vào Trung Quốc, dù bậc anh tài hào khí nhưng sinh ra cũng bị luống trong thấy nghe động tĩnh, lớn lên thì làm thầy cho đời kẻ sĩ sùng kính, rồi cứ mịt mờ bị lưu chuyển mà chẳng hay. Lại bảo rằng Thánh nhân có thể không tu vẫn đạt được, đạo lớn chẳng học nhưng biết được. Bởi không biết cái tâm của Thánh nhân nên nói chẳng cần tìm vết tích Thánh nhân; do chưa thấy cái chí của người quân tử nên nói chẳng cần tôn trọng văn chương của họ. Như vậy là không thấu tỏ nhân luân, không thấy rõ mọi vật. Việc sửa mình thì chột có chột không, cái đức vì vậy mà loạn, nói sàm nói gở, trên không có lễ để phòng kẻ dối lừa, dưới không có sở học để kê cứu kẻ dốt nát, dùng ngôn từ điều ngoa tà đạo, cứ thế hồ hởi thịnh lên, đó đều phát xuất từ nhà Phật cả. Trong một ngàn năm trăm năm, tự mình chẳng đứng riêng chẳng sợ cái tính nhất, tự tin mình có tài năng hơn hẳn người khác, vậy mà có thể đứng thẳng trong ấy, cùng luận nghị về thị phi, cùng nói đến được mất ư?”

Bình Sơn nói:“Từ Khổng, Mạnh v.v... mất đi, Nho gia không bàn đến Đại đạo đã một ngàn năm trăm năm rồi, lẽ đâu do lỗi của nhà Phật? Mãi đến thời cận đại mới dùng đến sách Phật chỉnh định lại Lão, Trang cho đến bàn về thi, thư, đại dịch của họ Mạnh, lẽ đâu chẳng phải là cái đạo mà người quân tử tỏ ngộ cũng theo lối này mà thể nhập chăng? Họ Trương phản phúc làm cái việc bêu rếu ấy quả bất nhân quá lắm rồi. Lại cho rằng Thánh nhân không tu vẫn đạt được, đại đạo không học nhưng biết được, đạo của Phu Tử cũng thế ư? Ngôn từ điều ngoa tà đạo

cũng đã thấy rõ quá rồi. Bảo rằng có tài năng hơn hẳn người khác, đó là cha con họ Vương, anh em họ Tô vậy. Kể làm chánh sự đã bị tâm sống chết xoay chuyển mất rồi”.

Minh Đạo (Trình Cảnh) nói: “Cái học của nhà Phật chỉ là đem việc sống chết hù dọa người ta. Điều đáng ngạc nhiên là một ngàn năm lại đây chẳng có một người thức tỉnh. Đó là bị người ta hù dọa rồi. Thánh hiền lấy việc sống chết làm việc bổn phận nên không đáng sợ, bởi vậy không nói đến sống chết. Phật vì sợ sống chết nên luôn miệng nói hoai. Đó là tâm cầu lợi. Trên đã làm như vậy cho nên người học cũng dùng cái tâm cầu lợi mà tin theo. Trang Sinh nói: “Người chẳng hay thay đổi ý cũng như vậy”. Dương, Mặc ngày nay đã không còn nên thuyết của Đạo gia rốt cuộc mối hại không lớn. Chỉ có sở học của nhà Phật thì ai ai cũng bàn đến, lan rộng hấp bầu trời nên mối hại thật khôn lường. Một ngàn bảy trăm người trong Truyền đăng dám nói không có một người đạt đạo? Có được một người hiểu được lý sống chết, phải tìm một thước vải lụa quấn đầu rồi chết, ắt không chịu mặc áo quần người Hồ, cắt tóc rồi chết”.

Bình Sơn nói: “Thánh nhân vốn tìm về cái chết, biết thuyết sống chết lẽ đâu không bàn đến sống chết? Trình Tử không bàn đến sống chết cũng như trẻ con ban đêm không dám nói đến quỷ. Người bệnh sợ chết vì biết bệnh khó trị. Hại người để lợi mình là Dương Chu; lợi người mà hại mình là Mặc Địch. Người học đạo không những làm lợi cho mình mà còn có lợi cho người thì có gì hại đâu? Còn như Thánh nhân không có mảy may tâm cầu lợi, lẽ đâu không có cái tâm làm lợi cho người khác chẳng? Bởi vậy, muôn vật đều được lợi, đó là thiên lý. Đạo của Thánh nhân có khi ẩn khi hiển, có lúc nói lúc nín, tuy khác đường nhưng đồng quy, dù trăm ý nhưng chỉ là một. Bởi vậy, đạo cùng tồn tại mà không chống trái. Trình Tử ắt muốn tung hoành một mình ở ngoài tám cõi xa xăm hoang vắng ấy chẳng?”

Minh Đạo nói: “Cái học của Phật đại khái là làm tuyệt diệt luân thường nhân loại. Trên đời không thể chấp nhận lý này. Lại còn phải xuất thế. Xuất ở chỗ nào? Phép Phật cần phải xuất gia, phải ra khỏi kỷ cương của đời, người học chẳng qua cũng y như Phật, mà Phật là gã người Hồ lười biếng. Ông ấy vốn là con người chỉ biết có mình như cây khô trong rừng núi. Nếu chỉ như vậy thì chẳng qua trên đời ít đi một người, chứ sao lại phải thiếu hết. Rõ ràng không có chuyện ấy được. Ông ta nói kỷ cương của đời đó chỉ là những phép tắc trị thế, do ra sức hủy diệt không được nên ông ấy chỉ sống một cách bất đắc dĩ trong cái

vòng trung hiếu nhân nghĩa. Ông ấy chỉ hòa theo phép tắc trị thế ấy rồi tiêu diệt sạch, sau đó thực hành đạo. Như mắt tai miệng mũi của con người, đã có những khí chất ấy thì phải biết đến nó; còn thanh sắc ăn uống, mừng giận, sầu vui là lẽ tự nhiên của tánh, khi tuyệt diệt hết rồi thì chứng đắc thiên chân, rồi làm tan hoại thiên chân. Ông ấy còn nói: Nếu diệt sạch là Phật, trong thiên hạ không ai làm được như vậy”.

Bình Sơn nói: “Than ôi! Họ Trình nghe trộm giáo tướng Tiểu thừa, rồi lại không tin chỉ đem thuyết ấy phản bác trở lại giáo lý nhà Phật mà không biết ý chỉ nhiệm mầu của Duy-ma, Hoa Nghiêm; nhận lầm La-hán là Phật mà không biết gốc ngọn thế nào. Từ đó lại ra sức bài bác, vậy thì làm sao biết được mật hạnh của Văn-thù, Phổ Hiền? Bậc Đại sĩ của Viên giáo biết chúng sinh vốn không nên độ thoát chúng sinh; biết quốc độ vốn tịnh nên trang nghiêm quốc độ, chứ không vì pháp thế gian mà chướng ngại pháp xuất thế; không vì pháp xuất thế mà hủy hoại pháp thế gian. Bởi vì pháp thế gian tức là pháp xuất thế gian vì pháp xuất thế tức là pháp thế gian. Tám muôn bốn ngàn trần lao phiền não tức là tám muôn bốn ngàn giải thoát thanh lương. Đâu chỉ có ba mươi ứng thân của Quán Âm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài? Chúng sinh niệm niệm thường có Phật thành Chánh giác, nhân giả chỉ tự sinh tâm phân biệt. Nếu không có ngã tướng nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì có ngại gì thân Cư sĩ, thân Trưởng giả, thân Tể quan đâu? Ta nghe nói trong những người hủy báng Phật có Minh Quyền Đại Bi Xiển Đề Nghịch Hạnh Ma, họ Trình lẽ đâu là người này chẳng? Nếu không thì đó cũng không phải là lợi căn chúng sinh bị thế trí biện thông làm chướng ngại mà là kẻ mang đầy nghiệp báo vô giá, thương thay! Hết đường hối cải rồi”.

Y Xuyên (Trình Tích) nói: “Nhà thiền nói về tánh cũng giống như để một vật dưới ánh mặt trời mà thôi. Khi ấy vuông tròn lớn nhỏ không đồng, còn muốn nghiêng cái này đổ qua cho cái kia. Thế nhưng để dưới ánh mặt trời thì làm sao chuyển động được. Người học của họ lại giải ngộ biện, nếu có ai hỏi về lý này thì họ nói: Ta vô tu vô chứng”.

Bình Sơn nói:

“Những lời này phát nguồn từ việc Từ Huyền đọc nhằm kinh Lăng-nghiêm. Phật nói: “Cái biết của năm ấm như cái bình Tần già rỗng không dùng để pha phương khát thực. Cái rỗng không ấy vốn không có xuất nhập, đó mới là thiền học. Ông ấy đâu biết Phật dùng ví dụ này để dụ cho thức tình hư vọng vốn không có đến đi. Còn Như lai tạng Diệu chân như tánh chính là mặt trời vốn không động tĩnh. Vô tu mà tu, vô

chứng mà chứng, chỉ cần diệt sạch thức tình thì đó là Như lai tạng Diệu chân như tánh, chứ không phải những lời ngụy biện”.

Y Xuyên nói: “Có người cho rằng đạo của Phật là đúng, dấu tích hoằng hóa là sai nhưng ta thì công kích dấu tích ấy. Đạo ông ấy ta không biết, do không hợp với Tiên vương nên ta không muốn học, còn như hợp với Tiên vương thì học Lục kinh đủ rồi, cần gì phải đến Phật”.

Bình Sơn nói:

“Ý của Y Xuyên là muốn quên sông hồ, ta thì bảo: Đâu bằng gom trăm sông mà đổ thẳng ra biển lớn thì mệnh mông không bờ, muốn công kích chủ thuyết này chẳng qua cũng như những gì mà Hàn Tử nói thôi. Đạo nhân trong núi cũng đã đập tan được lời ông ta rồi. Những lời ấy còn ghi trong bài ký ở Nam Khang Quân, Khai Thiên Thiền Viện.

Y Xuyên nói: Xem kinh Hoa Nghiêm không bằng xem quẻ Cấn trong Bát Quái.

Bình Sơn đáp: Trình Sử dựa vào tác dụng dừng lại ngay chỗ phải dừng trong quẻ Cấn, rồi nghi họ Thích chỉ như tro lạnh, cây khô. Bởi vậy, chỉ thấy những lời càn cợt mà đâu biết được diệu chỉ Viên giáo của Hoa Nghiêm. Một pháp nếu có cảnh giới Tỳ Lô rơi vào trần lao, vạn pháp mà không thì Phổ Hiền chẳng còn cảnh giới. Luận về thời gian thì năm mươi bảy Thánh vị chỉ trong khoảng khảy móng tay hiện rành rành như Hải Ấn, luận về không gian thì năm mươi ba pháp môn đều ở trên đầu sợi lông cùng dung hợp như Đế Võng. Đức Vân từng ngang qua Biệt Phong, Phổ Nhân chẳng biết chánh vị, trong rừng Thệ-đa Ca-diếp chẳng nghe, ở lầu Di-lặc Thiện Tài thể nhập. Nếu không có những bộ kinh mâu nhiệm như thế thì người học đạo sẽ rơi vào hầm hữu vi, kẻ luận đạo mâu rơi trong vòng tà kiến. Như vậy thì thuyết “Nội thánh ngoại vương” của Lão Trang, ý “thượng đạt hạ học” của Khổng Mạnh đều bị bỏ đi rồi.

Y Xuyên nói: Người bận rộn nhất không ai bằng Thiền khách. Đi đứng nằm ngồi đều ở trong đạo thì lại càng bận hơn.

Bình Sơn đáp: Quân tử trọn ngày không trái lòng nhân cũng là bận rộn chẳng? Nếu lấy chữ “kính” làm lẽ sống thì đương nhiên phải bận rộn.

Y Xuyên nói: Nhà Phật ẩn chứng rất nực cười, lẽ đâu ta hiểu được lý này lại đi tin người khác?

Bình Sơn đáp: Tự ẩn chứng rồi cho là được Thánh nhân truyền càng đáng nực cười hơn. Ta tuy tự hiểu, còn như người ta không tin thì sao?

Thượng Sái (Tạ Lương Tá) nói: Người học Phật muốn tránh khỏi luân hồi, đó là tâm tư lợi. Tâm này có hạn mà thái hư thì vô cùng, nếu tìm đầu mối của luân hồi thì bắt đầu ở chỗ nào? Nếu tìm kết cục của nó thì lúc nào mới bị cắt đứt? Hơn nữa người vật trong trời đất đều có số cả.

Bình Sơn đáp: Phật nói luân hồi, trong đó ái là cội rễ. Hễ có ái Ngã thì tất có ái Niết-bàn, mà không biết ái đúng là sinh tử, như vậy làm gì có lợi tâm? Tánh viên giác không tác không chỉ không sinh không diệt, vô thủ vô chung không năng không sở lẽ đâu có gián đoạn? Bởi vậy chúng sinh xưa nay thành Phật, sinh tử Niết-bàn như giấc mộng đêm qua, người vật trong mộng lẽ đâu cũng có số chẳng? Thượng Sái là người trong mộng nói những lời mộng, không biết tánh viên giác nhận lầm cho là thái hư, thương thay!

Thượng Sái nói: Con người ta lúc chết thì khí hết. Tôi hỏi Minh Đạo có quỷ thần không, thì Minh Đạo đáp: “Đạo mà không như vậy thì ai mà tin, đạo có như vậy thì thử đi tìm xem”. Hoàng Cừ nói: Đó là diệu dụng của trời đất, trong ấy có diệu lý, ngay trong khoảng như có như không ấy phải quyết đoán mà trực nhận, không nên hồ đồ. Hễ muốn có thì liền có, muốn không thì liền không mới được, quỷ thần đầy dẫy trong hư không, lúc nào mà chẳng gặp, họ là diệu dụng trong trời đất. Tinh thần của tổ khảo cũng chính là tinh thần của chính mình. (tinh thần ở đây là linh hồn vô hình thiêng liêng).

Bình Sơn đáp: Lời của Minh Đạo lấy từ câu “Chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ”. Lời của Hoàng Cừ lấy từ câu “Tinh khí là vật, du hồn là biến”, nhờ vậy mà biết được trạng thái của quỷ thần. Lời của Thượng Sái lấy từ câu “Thịnh thay! Đức của quỷ thần! Mênh mang như ở trên hư không, ở bên phải, bên trái”. Ba người mỗi người hiểu được một khía cạnh của Thánh Nhân mà thôi, rốt cuộc rơi vào kiêu hoặc có hoặc không, như có như không, mỗi người không nên hồ đồ.

Tôi thấy lời của Thánh Nhân mỗi người đều có chủ ý của mình, đại loại: có sinh thì có tử, có khác thì có giống, không sinh thì không tử, không giống thì không khác. Con người là quỷ hữu hình, quỷ là con người vô hình. Hữu tâm thì có, vô tâm thì không. Thánh Nhân có tái sinh cũng không thay đổi được lời tôi nói.

Nguyên Thành (Lưu An Vương) nói: Lời của Khổng Tử và Phật tương quan nhau. Khổng Tử nói “Vô ý vô tất, vô cố vô ngã”. Phật nói: “Vô ngã vô nhân, vô chúng sinh vô thọ giả”. Nếu luận riêng từng người thì Khổng Tử lấy Tam cương Ngũ thường làm Đạo, bởi vậy khai thông

được đầu mối của sắc sắc không không, khiến người ta tự nhận thấy được. Tâm của Khổng Tử tức là tâm Phật. Nếu thiên hạ không có Tam Cương Ngũ Thường, thì họa loạn lại nổi lên, con người chẳng khác cầm thú xâu xé nhau, lẽ đâu đó là tâm Phật? Bởi vậy tâm của Nho, Thích, Lão đều như nhau, chỉ vì thi thiết giáo hóa có khác. Như quan của châu huyện không làm việc thì quận huyện đại loạn. Lạy Phật tụng kinh ngồi thiền mà cho là học Phật thì có đáng không?

Bình Sơn đáp: Lời của Nguyên Thành cố nhiên rất hay, nhưng tiếc rằng chưa từng gặp diệu chỉ viên giáo của Hoa Nghiêm. Trước tiên, Phật dùng Ngũ Giới, Thập Thiện mở ra Nhân Thừa, Thiên Thừa. Sau dùng Lục độ vạn hạnh hành Bồ-tát đạo. Tam Cương, Ngũ Thường đều nằm cả trong đó. Bởi vậy trong năm mươi ba lần tham vấn, Thiện Tài đã tham vấn vô số Tỳ-kheo. Quán Âm thị hiện ba mươi hai ứng thân, nào là hiện thân Tể quan, cư sĩ, trưởng giả... lẽ đâu lại chịu đem pháp xuất thế làm bại hoại pháp thế gian chẳng! Lương Võ Đế xây chùa, độ tăng, giữ giới, xuất gia, từng bị Đạt-ma chê cười, Tôn giả Bạt-ma nói với Tống Văn Đế rằng vua học Phật không giống như dân thường, bớt hình phạt thì dân giàu, giảm tô thuế thì nước mạnh, trai giới như thế cũng không lớn lắm sao! Tiếc một mạng sống chim muông, giảm thức ăn được nửa ngày, là cách trai giới của dân thường, như vậy Nho sĩ học Phật là liều thuốc nhằm giữ vững lòng tin ở chính mình.

Nguyên Thành nói: Cái mà gọi là “Thiền” trong Lục Kinh cũng có đạo lý này, Phật chỉ thay đổi cách gọi, khi Đạt-ma từ Tây sang, từ này lan rộng, đến nay Phật pháp quả nhiên hư dối, chỉ nhận lầm sắc tướng. Nếu ông ấy không sang, thì Phật pháp đã bị hoại diệt từ lâu rồi. Lại nữa, những người thượng căn, thông minh phần nhiều ưa thuyết này, bởi vậy thuyết này lan rộng. Tôi đi Nam Thiên, dù hàng ngày đối với đạo Nho và lão tiên sinh rất được việc, nhưng cũng không thể cho là đối với việc này tôi không biết gì cả. Trong thế gian có việc gì lớn hơn sinh tử nữa không? Việc này chỉ có một vị, lý hợp với sinh tử, có thể nhìn thấy, bởi vậy đối với sang hèn họa phước đều xem nhẹ. Lão tiên sinh rất thông hiểu chỉ là không nói mà thôi, bởi việc này rất liên quan đến lợi hại, nếu thường bàn đến thì con người cho rằng bình sinh chỉ bàn Phật pháp, còn như Ngũ Kinh thì không hiểu gì về thuyết sinh tử, do đó hễ là Nho Sĩ thì không nên bàn đến, bởi đây là lãnh vực của Khổng Tử. Lại nữa kẻ hạ căn cho là tịch liêu, là khô héo mới là Phật pháp, còn như Tam Cương Ngũ Thường chẳng chịu để tâm đến. Hơn nữa, kẻ thấp trí hơn thì đắm mê trong thuyết nhân quả báo ứng, chẳng

sửa mình làm việc, chánh giáo thác loạn, sinh linh lầm than, cái họa ấy thật không tả hết. Bởi vậy bình sinh tôi đâu từng nói, mà đó cũng là giới cấm của Lão tiên sinh.

Bình Sơn đáp: Những lời của Nguyên Thành đối với Phật đạo thì suy nghĩ thấu đáo, còn đối với Nho Đạo dường như chưa thấu đáo. Sách của Phật tinh vi mầu nhiệm sâu xa vô cùng, Phật đạo chưa hẳn hiểu hết, đó đều nhờ Nho gia mở mang ra. Đến nay thì sáng sửa rõ ràng rồi. Còn những chỗ bí mật thì không truyền nhưng hợp với sách của ta thì có người cho rằng trong Ngũ Kinh hồi đó không có đạo lý này, Thánh Nhân ta thật không biết có việc này, vậy việc lợi hại đâu phải nhỏ! Tôi muốn mở mang hết chỗ bí mật ấy để hậu thế trong thiên hạ đều biết rằng trong Lục Kinh có Thiên, Thánh nhân ta đã là Phật. Còn như lãnh vực của Khổng Tử cũng không lớn lắm sao! Họ cho tịch liêu khô héo là Phật pháp, theo nhân quả báo ứng mà bỏ bê mọi việc, đến nỗi làm thiên hạ loạn, đó thực ra là vì Nho gia không đọc đến sách ấy nên mới bị bọn họ lừa dối thôi. Nay Nho gia mở mang hết những bí mật đó, dùng những lời luận về hàng bại căn của Duy-ma, phá cái thiên kiến chấp không, đem những lời răn về thí thân trong Bát-nhã đập đổ kẻ ngu chấp tướng được vậy thì trên không có cái họa của Tiêu Diễm, dưới không có sự nhầm lẫn của Vương Tấn. Dù luôn miệng mà bàn, soạn sách mà luận, lẽ đâu không nên chăng! Người học hãy suy cho kỹ!

Quy Sơn (Dương Thời Trung) nói: Những điều mà Thánh nhân cho là tầm thường thì Trang Chu khoa trương ra, như những lời chửi Phật mắng Tổ của Thiên gia. Chẳng hạn nói “đến đi tự tại” thì Tử Tư gọi đó là “không vào thì chẳng tự được”; “Người nuôi cho sống” thì Mạnh Tử gọi đó là “làm nhưng vô sự” mà thôi. Dẫn tới dẫn lui rốt cuộc chỉ là khoa trương thuyết ấy.

Bình Sơn đáp: Chỗ thấy của ông rất cao, biết được Thiên giả được việc với Phật thì biết được Trang Tử được việc với Thánh nhân rồi. Còn như nói: Dẫn tới dẫn lui rốt cuộc chỉ là khoa trương nhà Nho, nhưng nhà Nho lại ghét là vì sao vậy?

Quy Sơn nói: Chỗ thâm sâu giữa Nho và Phật hơn kém nhau rất xa. Thấy đạo của Nho gia rõ ràng thì đủ biết Phật thấp hơn. Người học ngày nay nói: Đạo của Nho gia thấp hơn, là rõ ràng chẳng biết đạo ta rộng lớn. Nhà Phật đã chẳng đọc sách Nho, nhà Nho lại tự khiêm nhường thì đạo nhân do đâu mà tỏ rõ?

Bình Sơn đáp: Chỗ hơn kém giữa Nho và Phật không chỉ do lỗi nhà Phật không đọc sách Nho mà cũng là cái bệnh của nhà Nho không

đọc sách Phật. Tôi đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm, biết là Nho thấp hơn Phật. Lại đọc những kinh như A-hàm thì biết Phật dường như thấp hơn Nho. Đến khi đọc Hoa Nghiêm thì thấy hết Phật hết Nho, hết lớn hết nhỏ, hết cao hết thấp, có thể là Phật có thể là Nho, có thể thành lớn có thể thành nhỏ, còn mất đều tự tại.

Nam Hiên (Trương Thức) nói: Cái toàn thể của thiên mệnh lưu hành không gián đoạn, xuyên suốt cả xưa nay. Nó thông cả vạn vật nhưng người ta mê muội không biết, bản thân lý ấy đâu từng gián đoạn, mà Thánh nhân thấu tỏ, thì bản thân nó cũng chẳng có gì tăng thêm. Còn như cái thấy của họ Thích, thì cho rằng vạn vật đều do tâm ta phát khởi, đó là mê mờ với cái toàn thể vốn như vậy của Thái Cực, rồi trở lại tự tư tự lợi, ấy chỉ là tâm con người mà chẳng biết gì đến tâm của đạo.

Bình Sơn đáp: Điều mà ông gọi là cái toàn thể của Thiên mệnh thì họ Thích gọi đó là tâm. Lời ông nói hoàn toàn xuất từ Phật, Lão, không mảy may sai khác. Dù ông nghi vạn pháp không phải do tâm tạo ra, nhưng kết quy nó về Thái Cực nhưng không biết Thái Cực là vật gì. Như người cha ra đi, quên mất nhà mình, gặp con mình nhưng chẳng biết, như vậy có khác gì Lưu Nghi Đổng đâu! Đó là do dùng tình thức suy đoán, dù nói tâm của đạo nhưng chẳng biết đó là cái gì, trái lại còn cho Phật tự tư bị lòng người mê hoặc.

Hối Am (Chu Hy) nói: Tánh đương nhiên là không thể không động, nhưng không thứ gì nó chẳng có, có nhưng không thể không động. Không thứ gì nó chẳng có, lẽ đâu có thiếu? Cái bệnh của họ Thích là nhận lầm tinh thần hồn phách làm tánh. Quả như thấy tánh, thì chẳng thể cho đó là vọng kiến. Đã gọi là vọng kiến thì đâu thể nói tánh vốn không. Lập luận như vậy là không sáng tỏ, chỉ sợ rằng đó cũng là thấy nhưng không rõ ràng.

Bình Sơn đáp: Tĩnh không có động tĩnh cũng không thiếu hay thành. Họ Thích có nói: “Người học đạo không nhận được cái thật, vì xưa nay nhận lầm thức và thần”, vậy lẽ nào cho tinh thần hồn phách là tánh? Không thấy được tánh chân không thì gọi đó là vọng kiến. Thấy tánh không rồi, lẽ đâu đó là vọng kiến? Lúc tâm thấy thì cái thấy đó không phải là mắt thấy, vậy mà không rõ ràng ư? Chỉ sợ rằng, chưa rõ ràng chính là lời của Chu Tử, vì nó chưa sáng tỏ.

Hối Am nói: Bệnh nặng của người học thời nay là không biết thứ lớp căn bản thật học của Thánh Nhân mà lại đắm mình trong thuyết của Phật, Lão, nghĩ càn rằng ngoài trời đất muôn vật, ngoài việc đối nhân xử thế có một vật linh diệu rỗng rang không thể lường được. Cái tâm ấy

chơi với, cầu mong thấy được vật ấy dù một lần đã là rất ráo, như vậy đâu không rơi vào bệnh này đó ư!

Bình Sơn đáp: Muôn vật trong trời đất, cách đối nhân xử thế đều là “hình nhi thượng” đều là “hình nhi hạ”, ai bàn tới được? Chu Tử thật là lắm cảm! Quên khuấy lời ấy cho là thuyết của Phật, Lão. Tôi e rằng đạo của Phu Tử sắp tàn lụi rồi! Dù là như vậy nhưng không thể không biện. Phật nói: “Sắc tức là không”, Lão Tử nói “đồng thì gọi đó là huyền”, lẽ nào có vật khác chẳng? Chu Tử chia chẻ thành hai, đó là rơi vào bệnh mà chẳng biết.

An Chánh Vong Thuyên nói: Quả báo được mất tuy ở trong cảnh giới mờ mịt nhưng chưa hẳn là không có người để tâm cứu xét. Thánh nhân là người càng để tâm đến việc này, lần tìm dấu tích, về điểm này nay không bàn đến. Chỉ có Thánh nhân là người vượt trên hình số rồi ứng dụng hình số, giao du với tạo vật, bậc hiền triết đều chưa thể vượt qua chặng đường này, nên hãy chờ cho quả báo đến. Đó là lời răn dạy rất lớn lao. Hơn nữa, hai nhà Nho, Thích kết quy gần giống nhau nhưng thi thiết giáo hóa khác nhau xa, bởi vậy công dụng khác hẳn. Dù vận dụng then chốt phân lập trời đất, nhưng rốt cuộc chẳng có gì làm kinh hãi ba Thánh nhân toàn đức, bởi khi họ lan tràn vào Trung Quốc, cũng như kẻ ngồi xe thì đi Việt, người đội mũ miện đi Hồ, rõ ràng không thích nghi. Nho gia chỉ dùng Hoàng Cực, kinh bang tế thế đó là bước lui mà không dấu vết vượt ngoài hình ra khỏi số, tại sao lại cam tâm theo cái học vô dụng?

Bình Sơn đáp: Luận đến đây thì thuyết của Nho Phật hợp thành một nhà. Công dụng khác nhau chỉ vì có khi ra giúp đời có khi lại ở ẩn, có lúc nói, lúc nín, từ đó người ta sinh phân biệt rồi cho là có giống có khác. Vì sao vậy? Đến thông đạt như Lưu Tử Huy, tinh thâm như Trương Cửu Thành, thông suốt như Lã Bá Cung, thuần chánh như Trương Kính Phù, Cao Khiết như Chu Nguyên Hối, họ đều là vĩ nhân của thời nay. Khi thấy được bản tâm rộng rang sáng suốt rồi thì Tứ thông, Lục tịch, thiên biến vạn hóa, cái thấy biết ấy chỉ như sinh tử mộng huyền, bốn ba để được giàu sang như phù vân, đó là học theo Thánh nhân nhưng chưa thấu đáo. Còn như bàn về Phật, Lão thì thật nhưng vẫn không thật. Dương phát huy thì âm giúp sức, bởi vẫn còn chút tâm ý. Khởi xướng tuyệt học của ngàn xưa, quét sạch bụi mờ cho hậu thế, lưu hành học thuyết ấy ở đời, cái thế của việc trị chánh không thể không làm như vậy. Như Hồ Diễn luôn miệng mắng chửi thì thật quá lắm rồi! Làm như vậy đâu không phải mặc áo trái của Tổ sư, đóng ngược ấn của Như

Lại đó ư? Điều quan trọng ở đây là phản bác, biện luận lại cho chính xác. Tôi sợ rằng hàng bạch diện thư sinh chẳng biết được tâm của các bậc tiền bối, cho những lời từ cửa miệng là thật. Nếu vậy thì đạo của ba Thánh nhân không phải là sự giáo hóa mà trở thành dị đoan. Sở học của Y Xuyên, ngày nay đã từ Giang Đông tràn lan lên phía Bắc. Kẻ sĩ phu lại dựa vào những học trò cao minh đều cam tâm chấp nhận. Tôi từng lui tới nơi ấy gần ba mươi năm, đã từng muốn chỉnh đốn lại việc này nhưng chưa rảnh. Nay nhân lúc đợi kỳ thi Hương, tôi khảo cứu kinh sách trong mấy mươi ngày, nhân lúc rảnh viết ra thiên luận nhỏ này, là mong dọn sạch phến dậu cho ngôi nhà khoáng đạt, dẫn sông ngòi chảy về biển Thánh học. Đạo lan rộng, Nho truyền khắp, cùng vào pháp môn giải thoát. Giấy mực văn chương đều là thần thông du hý, hãy tự gội rửa tâm mình. Nếu truyền cho người thì hãy bưng bưng mà nổi giận, mờ mịt mà nghi ngờ, đầu đầu mà tư duy, buông hết mà tổ ngộ, sáng khoái mà vui cười, được vậy tất có người nói: Ôi, gã này thật đáng thương!

Tôi và những người quân tử sinh trong thời đại khác, không phải là người trong thời Nguyên Phong, Nguyên Hựu, cũng giống như nhà Nho, không phải là người của Hoàng Quan, Thích thị, bởi vậy dốc hết ruột gan khổ công đính chính. Đó cũng là vì muốn giáo học của ba Thánh nhân không đoạ tuyệt. Tôi cứ phân vân, đau như xé ruột, muốn đem chút công sức nhỏ nhoi của mình duy trì cả ba, giữ không cho ngã đổ. Nếu có người cậy đông công kích tôi, thì ngã đổ hết rồi! Thương thay! Dù rằng tôi biện luận không hay, sợ rằng đạo của ba Thánh nhân bị chia chẻ mà không nhất thống, đó cũng là bất đắc dĩ thôi. Như da bị mụn ghẻ, phải dùng thuốc mà đắp cho lành, như đất có hầm hố phải dùng đất mà lấp cho kín, lẽ đâu lại đi khoét thêm thịt, đào thêm hố ư?

Kẻ hèn này không bằng những quân tử khác, chỉ có một thiên này thôi, ngoài thiên này ra còn có những gì mà Minh Đạo Tập đã ghi, những gì mà chư quân tử đã viết như Đại Dịch, Thi, Thư, Trung Dung, Đại Học, Xuân Thu, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Hiếu Kinh v.v... đều là sách tẩy rửa lòng ham muốn của con người, khai sáng thiên lý, dựng nên nghiệp bá, phò tá vương đạo. Ngoài việc phát tâm học trên văn tự chữ nghĩa, hằng ngày ứng dụng gội rửa tâm mình, việc sửa tánh phải lấy sự thành thật làm nền tảng, việc tu thân phải lấy sự cung kính làm cửa ngõ, đạo lớn tự khéo mà cầu, Thánh nhân tự học mà đến, tiếp nối tuyệt học của ngàn xưa, lập thành thuyết giáo một nhà.

Nho gia đời Tống đều không sánh kịp, Nho sĩ đời Đường, Hán cũng không sánh bằng. Vùn vụt thay! Đáng sánh vai với Mạnh Kha.

Lúc luận nghị cũng khôn ngoan công kích, ấy chỉ là cơ ngầm, đều là học trò của Tuân Khanh. Bởi vậy Nho sĩ đi trước thì xướng, Nho sĩ lớp sau thì họa, kiểng chân mà nhìn, bèn gót mà theo, đời sau trong thiên hạ hầu như theo về hết. Có thể nói, đó là kẻ sĩ hào kiệt. Người học có chí với đạo trước tiên phải đọc sách của chư quân tử, mới biết kẻ hèn này từng dụng công trong ấy, mới thấy được tập sách của tôi. Còn như mượn cố lấp miệng, làm ô danh sách của chư quân tử tức là lượm ngọc nát mà bỏ ngọc nguyên, chịu mắc ghen mà bỏ thức ăn, như vậy không những kẻ hèn này đắc tội với chư quân tử mà đó cũng chẳng phải là điều kẻ hèn này trông mong ở người học.

Minh Đạo Tập của các Nho sĩ gồm hai trăm mười bảy loại kiến giải, đều là mê chân bỏ mất tánh, chấp tướng trệ danh, dựng lập nguyên nhân cho việc đấu tránh, tạo thành hoặc nghiệp, đó đều là do không thấu đạt tính dung thông của pháp tánh. Cư sĩ Bình Sơn rất thấu tỏ diệu lý, thương họ mờ mịt khi đứng ngã ba đường, bởi vậy ông phân tích, biện luận nhằm cứu cái tệ cho hậu học. Giả sử Ma-cật, Tảo Bá tái thế cũng chẳng còn gì để thêm. Ở đây chỉ trích mười chín thiên, phụ lục vào phần sau của Thông Tài.

31. Bài ký nói về Sa-môn Hồng cáp la tất lợi:

Tam tạng Sa-môn Hồng cáp la tất lợi là người Mạt quang thất thuộc Bắc Thiên Trúc. Sư trụ ở núi Kê Túc, tụng mật ngữ của chư Phật, có đại thần lực, hay trị được bệnh, hàng phục thú dữ, hô phong hoán vũ. Sư bắt chước Hoàng Thống, cùng với em chú bác là Tam da tất lợi, cả thầy bầy người đồng sang Trung Quốc. Sư xin đến núi Thanh Lương lễ Bồ-tát Văn-thù, triều đình đồng ý. Sau khi đến Thanh Lương, Sư vân du tiếp, đến Linh Nham lễ tượng Quán Thế Âm. Sư nhiễu tượng cả ngàn vòng, mỗi một vòng đều đánh lễ, mỗi lần lạy đều vô cùng cung kính. Cứ thế, Sư lễ lạy không ngày nào ngắt. Mỗi ngày Sư chỉ ăn một chén cơm. Lúc có khách cũng chén cơm ấy nhưng Sư chia vẫn đủ khắp, còn lại thì mình ăn, dù chỉ còn vài hạt, Sư vẫn kiết trai. Vừa đến Tế Nam, Sư dựng chùa Văn-thù Chân Dung, để Tam-ma-da trụ trì ở đây. Sau Sư đến đất Lệ dựng tiếp chùa Tam Học. Ngày hai mươi ba tháng tư năm Đại Định thứ năm, Sư thị tịch ở Tam Học, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp không rõ là bao nhiêu hạ.

32. Thiên sư Phật Quang Đạo Ngộ ở Trịnh châu:

Sư họ Quan, người Lan Châu, Thiểm Hữu. Vừa sinh, Sư đã có

rằng, mười sáu tuổi Sư muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không cho. Sư bèn tuyệt thực mấy ngày, cha mẹ đành phải đồng ý. Hai năm sau, Sư từ Lâm Thao về ngủ trọ tại Loan Tử điểm, đêm nọ, Sư mộng thấy Phạm tăng gọi mình dậy. Sư choàng dậy bỗng nghe ngựa hí, Sư hoảng nhiên đại ngộ, về thẳng nhà mình, lòng vô cùng hoan hỷ, tự ngâm nga:

*Ôi là lưới
Nào là lưới
Kín hư không
Chỉ một tấm.*

Sư nói với mẹ: “Con nhặt được một vật”. Người mẹ liền lục lọi khắp trong túi da của Sư nhưng không thấy, nên hỏi: “Là vật gì?”. Sư đáp: “Vật mà từ vô thủy đến nay con chưa hề thấy”. Mẹ Sư chẳng tỉnh ngộ.

Ngày nọ, Sư muốn du phương, người trong làng tiễn Sư đi. Họ xin bài tụng. Sư viết cho, trong đó có câu: “Nước chảy tới biển, Hạc ra khỏi mây trời”. Sư đến núi Hùng Nhĩ quả nhiên gặp được Thiền sư Bạch Vân Hải Công. Sư hỏi Hải Công sao không tìm người nối pháp. Hải cũng dùng bài tụng đáp, trong đó có câu: “Hoa chi lan rất đẹp, chỉ có ở Tây Tần”, ngầm chỉ việc Sư đến.

Đêm ấy, Hải nghe hư không có người nói: Sáng mai đón Quách Tướng công. Sáng na Hải liền gọi tăng xếp hàng, sai cắm hương hoa đón đệ tử Quan Tây của ta, trước chùa dựng lễ nghi của Đường Quách Tử, hôm nay ông ta sẽ đến trụ trì. Sư đến, đối đáp liền khế hợp, Hải Công liền truyền y bát cho Sư.

Trước chùa từng có bọn giết người cướp của, dân đến báo với Sư, Sư gọi tăng chúng đuổi bắt và nói “Các ông chính là giặc”. Đuổi đến sào huyệt, bọn cướp lạy xin tha mạng. Sư dạy dỗ chúng rồi thả. Từ đó đến mấy mươi năm sau, không ai nhặt của rơi trên đường. Người ta càng tin tiền thân Sư vốn là Phần Dương Vương. Năm Đại Định thứ hai mươi bốn, Bạch Vân thị tịch, Sư nối pháp khai đường. Sư thuyết giảng ở Phổ Chiếu, Trịnh châu, sau chấn tích đến Tam hương, Trúc các am. Lúc này Sư mặc đồ cư sĩ vân du ở Ngưu Hành. Lạc châu, không ai biết Sư là ai. Sư từng nói với mọi người: “Cho ta là phàm thì hãy tiến tới Thánh quả đi! Cho ta là Thánh, thì hãy nhắm tới Phàm quả đi! Cho ta chẳng phải là Thánh chẳng phải Phàm thì mới có chỗ bước đi trên đỉnh Tỳ-lô”.

Năm Thái Hòa thứ năm, Sư kiết hạ ở chùa Đại Thế tại Lâm Thao. Sư khai kinh Viên Giác, lên tòa bỗng nói: Pháp tịnh này chỉ còn một nửa!

Ngày mười hai tháng năm, Sư cho văn tham. Sáng sớm hôm sau, Sư súc miệng xong, gọi thị giả đến và nói: “Ta bệnh, hãy đi tìm thuốc đi!”. Thị giả ra chưa tới ngạch cửa thì Sư nằm xuống thị tịch. Trên nóc phương trượng có đám mây ngũ sắc, như bảo Cái, bên trong có ba cái màu hồng sáng như mặt trời. Sư thọ năm mươi lăm tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ.

33. Thiên sư Thọ Ni Vô Trước:

Sư họ Tô, húy Diêu Tổng, cha làm chức Trung đại phu, giống như Nam Từ Thừa Tướng Thật Đại Phu trước đây. Năm mươi lăm tuổi, Sư chợt nghĩ: Thân ta sinh ra từ đâu? Chết về chỗ nào? Suy nghĩ giây lâu, đột nhiên Sư bừng tỉnh. Hồi ấy, bất đắc dĩ Sư mới đến nhà họ Hứa ở tận Tỳ Lăng, nhưng chẳng màng thế sự mà đặt chí trong không tông, lấy thiền tịch làm mục đích tiến tu. Lúc này Tuệ Nghiêm Viên Công nói pháp Thiên sư Viên Chiếu và ẩn cư tại Phổ Môn. Sư đến thưa hỏi pháp xuất thế, cơ duyên khế hợp. Sau, Sư yết kiến Quan Tây Trí Tịnh Thất Quang Chân Hiết Thanh Liễu, hỏi đáp như nước chảy, Thanh Liễu rất kính phục. Lúc này Phù Thọ Nguyên làm quan ở Gia Hòa, Đại Tuệ đến quận, Nguyên sắm sửa trai diên đến đón ngài. Sư ra đánh lễ Đại Tuệ nhưng chẳng nói câu nào. Đại Tuệ lui về nói với quan Cấp sự Phùng Tế Xuyên: Hứa Ty Lý thấy thần thấy quỷ trong lâu các nhưng chưa gặp chính mình bị kim kẹp, như chiếc thuyền chở vạn học bị rơi vào bãi cạn không thể chuyển động được.

Phùng nói: Việc ấy đâu dễ nói!

Tuệ nói: Nếu ông ấy quay đầu nhất định sẽ khác.

Hôm sau, tăng tục thỉnh Đại Tuệ thuyết pháp, Sư cũng đến tham dự. Đại Tuệ hết lời chỉ trích các nơi là hạng tà kiến dị giải. Thính chúng đều thất kinh chỉ riêng mình Sư bỗng nhiên hoan hỷ. Sau khi xuống tòa, Sư đến Đại Tuệ xin pháp hiệu, Đại Tuệ đặt Sư tên là Vô Trước, đồng thời nói bài kệ:

*Hầu hết sơn tăng thích chửi người
Chưa từng chửi dính một riêng ai
Chỉ có Vô Trước chửi chẳng động
Chẳng khác dùi lăn trong thời Tần.*

Đã chửi chẳng động, sao lại nói giống dùi lăn (kẻ vô dụng), người sáng mắt hãy biện xem!

Năm sau, Sư lên Kính Sơn theo chúng kiết hạ, Tế Xuyên cũng có ở đây. Đại Tuệ thượng đường, cử câu “Vì sao, chẳng vì sao, rốt cuộc

chẳng được” của Thạch Đầu. Tế Xuyên nói:

-Tôi hiểu được!

Tuệ bảo nêu ra, Tế Xuyên liền nói:

- Sao là được? Tô-lô-tát-bà-ha. Chẳng vì sao cũng chẳng được? Tất rị tát bà ha. Vì sao chẳng vì sao, rốt cuộc chẳng được? Tô-lô-tát-rị-tát-bà-ha.

Tuệ đem lời này nói lại với Sư, Sư nói:

- Người ta nói: Quách Tượng ghi chú cho Trang Tử, nay hóa ra Trang Tử ghi chú cho Quách Tượng.

Đại Tuệ tuy lấy làm lạ, nhưng im lặng không đoái hoài tới Sư, cốt là muốn cho Sư tự mình triệt phá. Một hôm vừa ngồi xuống, Sư hoá nhiên đại ngộ, thấy rõ dụng ý giúp người của Đại Tuệ. Bất giác Sư vỗ tay la lớn: “Thằng giặc! Thằng giặc!”, và trình bài tụng:

*Bỗng dưng che kín lỗ mũi
Khéo léo bằng tan ngói bể
Đạt-ma đâu cần đến đây
Nhị tổ lạy uống ba lạy.*

Sư lại hỏi: Thế nào? Thế nào? một đội giặc cỏ thua to!

Đại Tuệ cũng dùng bài kệ ẩn chứng rằng:

*Ông đã thấu tỏ ý Tổ sư
Một đao chặt chẳng thành hai khúc
Ứng cơ nhất nhất vì thiên chân
Thế, xuất thế gian chẳng thừa thiếu.
Ta làm kệ này ẩn chứng ông
Tứ thánh Lục phạm đều kinh ngạc
Hồ tắng mắt xanh còn chưa hiểu.*

Bấy giờ Vạn Am Ngạn Công làm thủ chúng, cùng một ngàn bảy trăm nạp tử khác đều làm kệ tiễn Sư về, đồng thời chúc mừng vì pháp môn đã có người chứng đắc. Phùng Tế Xuyên vẫn chưa tin, ông đi thuyền qua Vô Tích, hỏi Sư:

- Thạch Đầu lúc còn làm người chèo đò, có làm “Thất tử thoại” Kính Sơn xưng là Đạo nhân, Sư hiểu không? Hiểu như thế nào?

Sư đáp:

Những người trước đây tôi giao du đều là thật. Rồi Sư dùng kệ để chứng minh. Khi có tin Lễ bộ cấp tăng điệp cho Sư Vô Trước, và ban hiệu Vi Thí, Sư nói kệ thọ nhận, mong được thế phát đáp y, mới thỏa chí nguyện ban đầu của mình, đó là vào năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thiệu Hưng.

Lúc này Trương An Quốc làm Thái Thú Ngô Môn, pháp tịch ở Tư Thọ bỏ không, An Quốc hết lòng thỉnh Sư đến. Sư khai đường ở chùa Vạn Thọ, dâng hương nối pháp Thiền sư Đại Tuệ. Những lời diễn thuyết của Sư có ghi đủ trong Ngũ Lục.

Ngày mười bốn tháng bảy năm Càn Đạo thứ sáu, Sư nhóm chúng nói kệ xong thì tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, nhục thân Sư được an táng phía Đông núi Quân Tướng, Vô Tích. Cuối tháng hai nhuận năm Canh Dần niên hiệu Thiệu Định, đồ chúng dời nhục thân về an táng Đông bắc Hồ Khâu thuộc Bình Giang, lấy tên am là Đạt Bản, dựng tháp phụng thờ.

Ất Sửu: Tống đổi niên hiệu Khai Hy. Nước Kim niên hiệu Thái Hòa thứ năm.